



British Embassy
Hanoi



Phòng Thương mại
và Công nghiệp Việt Nam



Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
về Minh bạch hoá

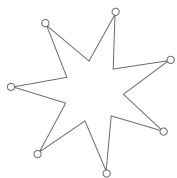


Nhà xuất bản
Công thương

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP

TS. Nguyễn Thị Thu Trang (chủ biên)

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
về Minh bạch hoá



Lời nói đầu

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức được hai Bên tuyên bố hoàn tất đàm phán đầu tháng 12/2015. Đây là một trong hai Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới lớn nhất của Việt Nam. Với phạm vi cam kết rộng, bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại hoặc có liên quan đến thương mại, ở cả các vấn đề tại biên giới và sau đường biên giới, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Một trong số các vấn đề thể chế được nhấn mạnh trong EVFTA là vấn đề Minh bạch. Đây là chế định có ảnh hưởng trực tiếp tới sự hình thành, thực thi của hệ thống văn bản pháp luật và các quy định cụ thể, qua đó tác động tới chất lượng nội dung và hiệu quả thi hành các văn bản pháp luật nói riêng cũng như tính rõ ràng, khả đoán (minh bạch) của toàn bộ hệ thống thể chế nói chung. Do đó, cần thiết phải rà soát pháp luật Việt Nam với những cam kết trong EVFTA về Minh bạch để xác định các nội dung khác biệt và từ đó có sửa đổi, điều chỉnh pháp luật Việt Nam cho phù hợp, đồng thời tận dụng động lực từ EVFTA để minh bạch hóa thể chế chính sách, pháp luật nội địa của Việt Nam.

RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC CAM KẾT EVFTA VỀ MINH BẠCH này được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với các phân tích về mức độ tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các cam kết từ góc độ của doanh nghiệp, qua đó đề xuất giải pháp đảm bảo tuân thủ Hiệp định theo hướng có lợi nhất cho các doanh nghiệp trong mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước liên quan.

Đây là Rà soát nằm trong chuỗi Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA trong 05 lĩnh vực quan trọng (bao gồm Minh bạch, Đầu tư, Mua sắm công, Sở hữu trí tuệ, Hải quan và tạo thuận lợi thương mại) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Chương trình “Hệ thống pháp luật Việt Nam sẵn sàng để thực thi cam kết EVFTA” với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Anh và Bắc Ai-len tại Việt Nam.

Hy vọng rằng Báo cáo Rà soát này sẽ là nguồn thông tin bổ trợ hữu ích cho quá trình rà soát pháp luật thực thi EVFTA của Chính phủ và là nguồn tham khảo có ý nghĩa để giúp các cơ quan có thẩm quyền của Quốc hội có thêm thông tin trong quá trình phê duyệt EVFTA cũng như chỉ đạo, triển khai, kiểm soát quá trình thực thi EVFTA.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn Đại sứ quán Anh và Bắc Ailen đã hỗ trợ VCCI trong việc thực hiện Chương trình rất có ý nghĩa này.

Mục lục

Lời nói đầu	5
Phần thứ nhất: Tổng hợp Kết quả Rà soát	9
I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát	10
II. Giới hạn phạm vi rà soát	12
1. Về các cam kết về Minh bạch trong EVFTA	12
2. Về pháp luật Minh bạch của Việt Nam	14
III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị	16
1. Nhóm các cam kết EVFTA về Minh bạch mà pháp luật Việt Nam đã tương thích	16
2. Nhóm các cam kết EVFTA về Minh bạch mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc toàn bộ	20
3. Nhóm các cam kết EVFTA về Minh bạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về nội dung	22
Phần thứ hai: Bảng tổng hợp kết quả rà soát	25
Phần thứ ba: Bảng rà soát chi tiết	35

Danh mục từ viết tắt

EVFTA:	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
EU:	Liên minh châu Âu
FTA:	Hiệp định Thương mại tự do
PLVN:	Pháp luật Việt Nam
TFA:	Hiệp định về Tạo thuận lợi thương mại của WTO
TPP:	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
VBQPPL:	Văn bản quy phạm pháp luật
WTO:	Tổ chức Thương mại Thế giới

Phần thứ nhất

Tổng hợp Kết quả Rà soát

I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát	10
II. Giới hạn phạm vi rà soát	12
III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị	16

I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát

Ngày 2/12/2015, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức hoàn tất đàm phán. Văn kiện của Hiệp định công bố ngày 1/2/2016 với 24 Chương cho thấy đây là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có phạm vi cam kết rất rộng, bao trùm không chỉ các lĩnh vực thương mại truyền thống (như hàng hóa, dịch vụ...) mà còn cả các lĩnh vực thương mại lần đầu tiên Việt Nam có cam kết (như doanh nghiệp Nhà nước, mua sắm công...), thậm chí cả các vấn đề phi thương mại nhưng có gắn trực tiếp với hoạt động thương mại (như môi trường, phát triển bền vững...). Mức độ cam kết và tự do hóa được đưa ra trong Hiệp định cũng cao hơn rất nhiều so với các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký trước đây, gần tương đương với mức của Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Với phạm vi và mức độ cam kết như vậy, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới. Những cam kết trong EVFTA đặt Việt Nam trước yêu cầu phải thay đổi các quy định pháp luật nội địa của mình nhằm đảm bảo tuân thủ và thực thi nghiêm túc các nghĩa vụ cụ thể trong nhiều lĩnh vực. Đồng thời, việc sửa đổi hệ thống pháp luật trong nước theo các yêu cầu của EVFTA cũng được kỳ vọng sẽ tạo nên một làn sóng cải cách thể chế mới cho Việt Nam, qua đó giúp nâng cao chất lượng của hệ thống chính sách pháp luật, hoàn thiện môi trường kinh doanh, tạo nền tảng cơ bản cho sự phát triển bền vững và mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư trong nước cũng như các đối tác kinh doanh nước ngoài, đặc biệt là từ Liên minh châu Âu (EU).

Một trong những khía cạnh cam kết của EVFTA được cho là sẽ có tác động trực tiếp và lớn tới thể chế và môi trường kinh doanh Việt Nam là chế định về Minh bạch. Đây là chế định tập hợp các nguyên tắc, yêu cầu đối với về việc công khai thông tin, về quyền tham gia ý kiến cũng như quyền khiếu nại, khiếu kiện của các chủ thể kinh doanh trước các chính sách, pháp luật, quyết định quản lý của Nhà nước và vì vậy ảnh hưởng bao trùm trên nhiều lĩnh vực và có ý nghĩa đặc biệt trong việc bảo vệ quyền của các chủ thể trong mối quan hệ về chính sách với Nhà nước. Với tính chất như vậy, minh bạch là vấn đề được phía EU rất nhấn mạnh (minh bạch có lẽ là nội dung duy nhất mà các cam kết

liên quan không chỉ được nêu trong một Chương riêng về Minh bạch mà còn được quy định trong các điều khoản về minh bạch trong nhiều Chương của EVFTA). Về phía Việt Nam, mặc dù đã thực thi một số các nguyên tắc về minh bạch trong WTO cũng như đã có những cải cách đáng kể trong quy trình soạn thảo, ban hành văn bản pháp luật, hiện minh bạch vẫn là bất cập đáng kể của môi trường kinh doanh và thể chế ở Việt Nam.

Việc rà soát hệ thống pháp luật hiện hành với các cam kết cụ thể trong EVFTA về minh bạch sẽ là cơ sở để xác định những chế định, quy định khác biệt hoặc chưa tương thích của pháp luật nội địa với các cam kết EVFTA về minh bạch, từ đó đề xuất các phương án sửa đổi, điều chỉnh hệ thống pháp luật để đảm bảo tuân thủ EVFTA ở khía cạnh quan trọng này.

Về mặt nguyên tắc, theo quy trình đàm phán và phê chuẩn các điều ước quốc tế của Việt Nam, công việc rà soát này chắc chắn sẽ được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước liên quan (Bộ Tư pháp) nhằm phục vụ cho việc thực thi nghĩa vụ của Nhà nước trong EVFTA.

Mặc dù vậy, việc rà soát chủ động từ góc độ của doanh nghiệp trong trường hợp này là rất cần thiết bởi:

- Trong nhiều trường hợp, các cam kết có thể được giải thích và thực thi theo nhiều cách thức khác nhau, và với Rà soát được tiến hành từ góc độ doanh nghiệp, các cách thức có lợi nhất cho doanh nghiệp sẽ được xác định và đề xuất;
- Khác với các cam kết trong các lĩnh vực khác, cam kết trong lĩnh vực Minh bạch trong EVFTA không thể chỉ dành cho các chủ thể EU mà cần dành tất cả các chủ thể, do đó mức độ ảnh hưởng thực tiễn của các sửa đổi pháp luật sau rà soát, nếu có, sẽ là rất rộng. Vì vậy, việc rà soát và đề xuất sửa đổi từ góc độ của doanh nghiệp trong trường hợp này là rất có ý nghĩa.

Nghiên cứu Rà soát này được thực hiện nhằm (i) xây dựng các so sánh chi tiết giữa pháp luật Việt Nam với từng nghĩa vụ, cam kết cụ thể về Minh bạch trong EVFTA, (ii) phân tích đánh giá hiện trạng pháp luật cũng như thực tiễn thực thi của Việt Nam so với yêu cầu của EVFTA, và (iii) xây dựng các đề xuất về biện pháp thực thi hiệu quả EVFTA từ góc độ quan điểm và lợi ích của doanh nghiệp.

II. Giới hạn phạm vi rà soát

1. Về các cam kết về Minh bạch trong EVFTA

Trong EVFTA, chế định về Minh bạch được quy định tập trung trong Chương 18 (Minh bạch) và rải rác trong 10 Chương khác (Thương mại hàng hóa, Phòng vệ thương mại, SPS, TBT, Hải quan, Mua sắm công, DNNN, Cạnh tranh và Trợ cấp, SHTT, Phát triển bền vững).

Chương 18 về Minh bạch bao gồm các nhóm cam kết sau đây:

Nhóm 1: Minh bạch trong xây dựng pháp luật (soạn thảo, ban hành VBQPPL)

- Đăng tải dự thảo sớm
- Tạo cơ hội để các đối tượng liên quan bình luận
- nỗ lực tiếp thu các bình luận
- Công bố VBQPPL (cách thức công bố, khoảng cách giữa thời điểm công bố và thời điểm có hiệu lực)

Nhóm 2: Minh bạch trong thực thi pháp luật

- Cam kết thực thi PL thống nhất, khách quan, hợp lý
- Cam kết chỉ định Điểm hỏi đáp
- Cam kết thiết lập các cơ chế giải đáp vướng mắc pháp luật
- Cam kết có các cơ chế giúp giải quyết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định theo EVFTA

Nhóm 3: Minh bạch trong áp dụng pháp luật

- Thông tin cho các chủ thể về thủ tục sẽ tiến hành
- Cơ hội bình luận trước khi ban hành quyết định hành chính cuối cùng
- Cơ chế cho phép khiếu nại, khiếu kiện quyết định hành chính: các bên được quyền nêu ý kiến, cơ quan hành chính phải thực thi quyết định

Nhóm 4: Minh bạch giữa VN-EU

- Điểm thông tin giữa hai bên
- Hợp tác trong nâng cao chất lượng văn bản PL
- Hợp tác trong cải thiện chất lượng hoạt động hành chính

Quy định về Minh bạch trong các Chương khác của EVFTA bao gồm các cam kết về minh bạch thuộc các nhóm sau:

- Minh bạch trong ban hành các quy định (TBT, Hải quan, Phát triển bền vững)
- Minh bạch trong thủ tục (Phòng vệ thương mại, cấp phép XNK, Hải quan, Mua sắm công)
- Minh bạch thông tin giữa VN-EU (SPS, SHTT, Cạnh tranh và Trợ cấp)

Do đó, rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết về Minh bạch trong EVFTA sẽ được thực hiện với từng cam kết cụ thể trong Chương 18 cũng như các Điều khoản về minh bạch (có tiêu đề là “minh bạch” hoặc có quy định liên quan tới vấn đề minh bạch như được đề cập tại Chương 18) trong EVFTA. Riêng đối với trường hợp Điều khoản minh bạch trong lĩnh vực 02 Chương là Hải quan – tạo thuận lợi thương mại và Mua sắm công, do VCCI đã có Rà soát riêng đối với các Chương liên quan, Rà soát này sẽ không xem xét lại các quy định về minh bạch trong 02 lĩnh vực này.

2. Về pháp luật Minh bạch của Việt Nam

Trong pháp luật Việt Nam, các vấn đề liên quan tới Minh bạch như trong phạm vi các cam kết của Chương 18 thuộc các chế định pháp luật nội địa sau:

- Pháp luật về quy trình soạn thảo và ban hành VBQPPL (Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn, Luật phổ biến tuyên truyền pháp luật...);
- Pháp luật về quy trình ban hành các quyết định hành chính (Luật xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về xử phạt hành chính trong các lĩnh vực cụ thể;);
- Pháp luật về khiếu nại, khiếu kiện hành chính (Luật Khiếu nại, Luật tố tụng hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này...).

Rà soát này sẽ đánh giá quy định về minh bạch trong tất cả các văn bản pháp luật nội địa có liên quan tới các khía cạnh nội dung khác nhau của các cam kết về Minh bạch trong EVFTA.

Tuy nhiên, riêng với trường hợp cam kết liên quan tới các quyết định hành chính (trừ trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính), mặc dù hiện pháp luật Việt Nam chưa có văn bản riêng về các quyết định hành chính mà chỉ có các quy định liên quan tới việc ban hành các quyết định hành chính trong các lĩnh vực khác nhau, thuộc nhiều văn bản pháp luật của nhiều chuyên ngành, Bộ Tư pháp hiện đang chủ trì soạn thảo Dự Luật ban hành quyết định hành chính để thống nhất pháp luật trong vấn đề này. Rà soát này, vì vậy, sẽ thực hiện với Dự thảo Luật ban hành quyết định hành chính, bản trình xin ý kiến Quốc hội tháng 9/2015.

Về việc rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết minh bạch trong các Chương khác, tất cả các văn bản pháp luật nội địa trong từng lĩnh vực liên quan sẽ được rà soát, cụ thể:

- Chương Thương mại hàng hóa: Quy định trong Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Chương Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại: Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Chương Phòng vệ thương mại: Quy định trong các Pháp lệnh về Tự vệ, Chống bán phá giá, Chống trợ cấp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Chương Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT): Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quyết định 114/2005/QĐ-TTg về Mạng lưới TBT Việt Nam;
- Chương Biện pháp an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ (SPS): Quyết định của Bộ Nông nghiệp và nông thôn về thực thi các vấn đề thông báo, thông tin trong Hiệp định SPS của WTO;

- Chương Mua sắm công: Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Chương Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN): Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan tới DNNN;
- Chương Cạnh tranh và Trợ cấp: Các văn bản về các biện pháp trợ cấp trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Chương Sở hữu trí tuệ (SHTT): Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Chương Phát triển bền vững: Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị

Nghiên cứu rà soát chi tiết pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ cụ thể được Việt Nam cam kết trong EVFTA về Minh bạch cho kết quả như sau:

1. Nhóm các cam kết EVFTA về Minh bạch mà pháp luật Việt Nam đã tương thích

:: Kết quả Rà soát

Kết quả rà soát chi tiết cho thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích với phần lớn các cam kết trong EVFTA về Minh bạch, trong tất cả các nhóm cam kết về vấn đề này (trừ nhóm liên quan tới minh bạch thông tin giữa Việt Nam và EU).

Kết quả này không hoàn toàn bất ngờ mặc dù Việt Nam tới thời điểm này có rất ít các cam kết liên quan tới minh bạch (chủ yếu là các cam kết về minh bạch trong khuôn khổ WTO và Hiệp định về Tạo thuận lợi thương mại TFA của WTO). Điều này được giải thích bởi một số lý do sau:

Thứ nhất, gia nhập WTO năm 2007, Việt Nam đã phải sửa đổi hệ thống pháp luật nội địa trong nhiều lĩnh vực nhằm đáp ứng các đòi hỏi của WTO (trong các Hiệp định liên quan của Tổ chức này, ví dụ các Hiệp định GATT, TBT, SPS, Chống bán phá giá, Chống trợ cấp, Tự vệ, Doanh nghiệp thương mại Nhà nước, TRIPS...), trong đó có các điều khoản về minh bạch gần tương tự về nội dung với các điều khoản trong EVFTA.

Thứ hai, cũng trong giai đoạn gia nhập WTO 2007, dưới sức ép của cải cách thể chế từ quá trình thực thi WTO, trong đó có cải cách về minh bạch và tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp vào quá trình hoạch định chính sách, Việt Nam đã tiến hành một loạt những điều chỉnh quan trọng để cải thiện một bước vấn đề minh bạch trong các quy trình chính sách và thể chế, đặc biệt trong các khung khổ pháp luật kinh doanh. Luật Ban hành VBQPPL ban hành năm 2008 đã bao hàm các quy định tương thích với phần lớn các cam kết liên quan của EVFTA. Các cải cách này đã tạo đà nhận thức

và hành động cho những nỗ lực minh bạch hóa trong những năm sau này của cả Nhà nước, doanh nghiệp và các bên liên quan. Thậm chí, minh bạch trở thành một trong các tiêu chí đầu tiên được xem xét trong quá trình phản biện chính sách, pháp luật của cộng đồng doanh nghiệp, và vì vậy cũng trở thành vấn đề được quan tâm hàng đầu của các cơ quan hoạch định chính sách, pháp luật. Vì vậy, tới Luật Ban hành VBQPPL 2015, minh bạch tiếp tục là yếu tố được nhấn mạnh trong hầu như tất cả các bước của quy trình xây dựng VBQPPL. Do đó, ở Luật mới này, mức độ tương thích và thỏa mãn EVFTA thậm chí còn cao hơn nữa, với nhiều quy định chi tiết gắn với quy trình minh bạch dự thảo và lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động trong quá trình soạn thảo. Cùng với đó, các Luật khiếu nại, Luật Tố tụng hành chính cũng được sửa đổi đáng kể trong tiến trình cải thiện minh bạch thể chế của Việt Nam, theo hướng phù hợp với xu thế chung của thế giới. Cũng trong làn sóng cải cách này, Việt Nam hiện đang dự thảo Luật ban hành quyết định hành chính để điều chỉnh một cách thống nhất, qua đó tăng cường minh bạch, của quy trình có tác động trực tiếp và tức thời tới các chủ thể cụ thể trong quá trình áp dụng pháp luật.

Cụ thể, pháp luật Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng các nghĩa vụ sau đây của Chương 18 EVFTA về Minh bạch:

Điều 1:

- Các định nghĩa về “biện pháp có hiệu lực áp dụng chung”; “các bên liên quan”

Điều 2:

- Cam kết theo đuổi mục tiêu thiết lập môi trường pháp lý có thể dự đoán trước và các thủ tục hiệu quả cho chủ thể kinh doanh;

Điều 3:

- Cam kết đảm bảo các quy phạm pháp luật được công bố nhanh chóng và có khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố và thời điểm có hiệu lực;
- Cam kết đăng tải dự thảo sớm, tạo cơ hội và dành đủ thời gian để các bên liên quan bình luận, nỗ lực tiếp thu các bình luận.

Điều 5:

- Cam kết nỗ lực thông tin cho các chủ thể liên quan về các thủ tục áp dụng quy phạm pháp luật liên quan đến họ (với các nội dung thông tin được nêu rõ trong cam kết);
- Cam kết đảm bảo các thủ tục được tiến hành phù hợp với pháp luật.

Điều 6:

- Cam kết duy trì các thủ tục hành chính, tư pháp, trọng tài cho phép xem xét lại hoặc phúc thẩm các quyết định hành chính độc lập với cơ quan đã ban hành quyết định hành chính
- Cam kết đảm bảo các cơ quan xem xét lại, phúc thẩm tạo cơ hội hợp lý để các bên trình bày luận và quyết định dựa trên các chứng cứ
- Cam kết đảm bảo các quyết định xem xét lại hoặc phúc thẩm quyết định hành chính sẽ được cơ quan hành chính ban hành quyết định thực thi

Về cam kết minh bạch trong các Chương khác ngoài Chương 18 của EVFTA

- Chương Thương mại hàng hóa: Cam kết đảm bảo các yêu cầu về minh bạch khi thực hiện các biện pháp hạn chế XNK (Điều 13);
- Chương về các biện pháp Phòng vệ thương mại: Cam kết tuân thủ đúng WTO và theo các cơ chế minh bạch, công bằng khi áp dụng các biện pháp PVTM; Cam kết tạo cơ hội để các bên liên quan được trình bày quan điểm trong quá trình điều tra (Điều 2);
- Chương Hải quan: Xem Báo cáo Rà soát PLVN với cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại;
- Chương TBT: Cam kết đảm bảo khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố và thời điểm có hiệu lực của biện pháp TBT; Cam kết công khai trên website miễn phí các biện pháp TBT có hiệu lực; Cam kết về việc cung cấp thông tin cho EU về TBT theo ngôn ngữ chính thức của WTO;
- Chương Mua sắm công: Xem Báo cáo Rà soát PLVN với cam kết EVFTA về Mua sắm công;
- Chương Thương mại và Phát triển bền vững: Cam kết thông tin và tạo cơ hội cho các bên liên quan bình luận đối với các biện pháp ảnh hưởng tới phát triển bền vững (Điều 12).

:: Đánh giá và Đề xuất

Trong tổng thể, nếu chỉ tính tới các cam kết về nội dung có ảnh hưởng tới pháp luật nội địa, không tính đến các cam kết về minh bạch thông tin giữa các cơ quan EU và Việt Nam với nhau (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa), pháp luật Việt Nam đã hoàn toàn tương thích với tất cả các nghĩa vụ cam kết về minh bạch trong Chương Minh bạch và trong các Chương khác thuộc nhóm (i) soạn thảo, ban hành, công khai thông tin về các VBQPP; (ii) giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hành chính. Trên thực tế thì đây cũng là 02 nhóm cam kết lớn nhất về minh bạch trong EVFTA.

Đối với các nghĩa vụ này, khi thực thi EVFTA, về nguyên tắc Việt Nam sẽ không phải điều chỉnh, sửa đổi hay bổ sung bất kỳ nội dung nào của các văn bản pháp luật hiện hành.

Mặc dù vậy, cần lưu ý là một số các cam kết mà pháp luật Việt Nam “đã tương thích” không chỉ đòi hỏi việc tuân thủ trong quy định pháp luật mà còn đặt ra các mục tiêu về hiệu quả thực thi đối với Việt Nam.

Ví dụ, theo cam kết trong khoản 2 Điều 3 Chương Minh bạch, Việt Nam cam kết nỗ lực công khai dự thảo sớm; dành cho các bên liên quan cơ hội để bình luận và thời gian đủ để bình luận cho dự thảo; nỗ lực tiếp thu các bình luận. Tất cả các nghĩa vụ này đều đã được quy định rất chi tiết trong Luật Ban hành VQPPL, tuy nhiên, làm thế nào để trong thực tế các cam kết này được bảo đảm lại là vấn đề còn rất nhiều bất cập trong thực tiễn. Bất cập có thể ở cách hiểu của các cơ quan liên quan: Thế nào là công bố dự thảo “đủ sớm”? “đủ thời gian”? Nếu công bố dự thảo sớm nhưng lại không phải dự thảo cập nhật thì liệu có ý nghĩa gì không? Nếu không đặt thời hạn góp ý nhưng đột ngột trình dự thảo để ban hành trong khi các bên liên quan vẫn tiếp tục góp ý thì còn ý nghĩa không?... Bất cập cũng có thể ở cách hành xử của các cơ quan này: việc tiếp thu ý kiến được thực hiện như thế nào? Phản hồi về việc tiếp thu như thế nào cho người đã góp ý?...

Những nghĩa vụ về “hiệu quả thực hiện” này, vì thế được xem là nặng nề hơn nhiều so với việc chỉ đơn thuần là đưa các cam kết thành quy định trong các văn bản pháp luật.

Do vậy, đối với nhóm cam kết minh bạch mà pháp luật Việt Nam “đã tương thích”, mặc dù không phải điều chỉnh, sửa đổi gì về mặt quy định pháp luật, Việt Nam có rất nhiều việc phải làm để đảm bảo hiệu quả thực thi của các quy định pháp luật hiện tại nhằm thực thi đầy đủ cam kết EVFTA liên quan.

Đáng lưu ý là trong khi việc thực thi trên thực tế nhiều cam kết trong các lĩnh vực khác đòi hỏi nguồn vật lực rất lớn (ví dụ thực thi các cam kết về hiện đại hóa – Cơ chế một cửa quốc gia trong lĩnh vực Hải quan và tạo thuận lợi thương mại; các cam kết về đấu thầu điện tử trong lĩnh vực Mua sắm công..) thì việc thực thi hiệu quả các cam kết mà pháp luật Việt Nam đã tương thích trong lĩnh vực minh bạch không tốn quá nhiều chi phí nhưng lại đòi hỏi những thay đổi cơ bản trong quan điểm, cách tiếp cận và kỹ năng của các cán bộ, cơ quan liên quan. Việc thực thi yêu cầu của EVFTA trong lĩnh vực này, vì vậy, là thách thức không nhỏ bởi quá trình này có thể gặp trở ngại tình trạng quan liêu, xơ cứng và sức ì của hệ thống công quyền. Tuy nhiên, điểm tích cực là tình hình đang có những thay đổi theo chiều hướng tốt hơn, độ mở của các cơ quan soạn thảo, hoạch định chính sách đang được cải thiện dần. Sức ép từ công chúng, báo chí đối với quá trình này cũng đang tạo ra những tác động tích cực trong hành động và ứng xử minh bạch của các cơ quan liên quan.

2. Nhóm các cam kết EVFTA về Minh bạch mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc toàn bộ

:: Kết quả Rà soát

Trong so sánh với nhóm các cam kết về Minh bạch trong EVFTA mà pháp luật Việt Nam đã tương thích, các cam kết có nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích có số lượng rất ít, tập trung vào nhóm (i) các cam kết liên quan tới minh bạch trong áp dụng pháp luật và (ii) các cam kết về minh bạch trong công khai thông tin về EVFTA.

Rà soát cho thấy pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần với các cam kết về Minh bạch sau đây của EVFTA:

Chương Minh bạch:

- Điều 3 (Công khai thông tin): Cam kết có giải trình về mục tiêu và lý do dự thảo khi được yêu cầu;
- Điều 5 (Quản lý các quy phạm pháp luật): Cam kết quản lý, thi hành các quy phạm một cách thống nhất, khách quan, hợp lý; Cam kết dành cho các chủ thể liên quan cơ hội được trình bày quan điểm trước khi ra quyết định hành chính cuối cùng.

Các Chương khác

- Chương Phòng vệ thương mại: Cam kết về việc công khai thông tin về các sự việc và đánh giá sử dụng để ra kết luận trong vụ việc để các bên có cơ hội bình luận trước khi ra kết luận cuối cùng.

Pháp luật Việt Nam hiện hoàn toàn chưa tương thích với các cam kết minh bạch trong công khai thông tin về EVFTA tại Điều 4 Chương Minh bạch (Điểm liên hệ và giải đáp), bao gồm:

- Cam kết chỉ định một Điểm hỏi đáp để đảm bảo thực thi hiệu quả và tạo thuận lợi trong trao đổi giữa VN-EU;
- Cam kết thiết lập các cơ chế để trả lời cho các vướng mắc của các tổ chức, cá nhân liên quan tới các biện pháp có hiệu lực áp dụng chung;
- Cam kết có các cơ chế để giúp các tổ chức, cá nhân giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc áp dụng các quy phạm pháp luật theo Hiệp định này; và
- Cam kết giải trình về lý do và mục tiêu của các quy phạm pháp luật khi được yêu cầu.

:: Đánh giá và Đề xuất

Liên quan tới nhóm cam kết về minh bạch mà pháp luật Việt Nam còn chưa tương thích một phần đều nằm chủ yếu trong vấn đề về tổ chức thi hành và áp dụng pháp luật. Điều này có thể được giải thích bởi thực tế là hiện Việt Nam chưa có một văn bản riêng nào về việc thực thi pháp luật (trừ 01 văn bản về việc kiểm soát quá trình thực thi VBQPPL của cơ quan quản lý Nhà nước - Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật: Văn bản này chỉ tập trung vào các tiêu chí để theo dõi thi hành mà không có các tiêu chí trực tiếp cho việc thi hành).

Ngoài ra, với nhóm này, cần chú ý rằng chế định về các quyết định hành chính (yếu tố cơ bản của quá trình áp dụng quy phạm pháp luật chung cho các trường hợp cụ thể), hiện được đánh giá cơ bản là đã tương thích theo kết quả Rà soát, thực chất là kết quả của đối chiếu các cam kết EVFTA với Dự thảo Luật ban hành quyết định hành chính (chưa phải văn bản có hiệu lực chính thức, và nội dung còn có thể thay đổi).

Giải pháp được đề xuất cho nhóm này tất nhiên là điều chỉnh, sửa đổi pháp luật Việt Nam cho phù hợp với cam kết liên quan của EVFTA. Cần chú ý là cùng với EVFTA, TPP cũng có các cam kết về minh bạch, do đó trong quá trình sửa đổi thực thi các cam kết, cần rà soát đồng thời cả cam kết TPP về minh bạch để có giải pháp sửa đổi đồng bộ. Đối với trường hợp Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính, cần chú ý giữ nguyên trạng hoặc chỉ có thể quy định tốt hơn hiện tại về các vấn đề thuộc cam kết EVFTA.

Liên quan tới nhóm cam kết mà pháp luật Việt Nam hiện hoàn toàn chưa có quy định gì (và vì vậy hoàn toàn không tương thích), nhóm này chỉ bao gồm các quy định về minh bạch các thông tin về thực thi EVFTA. Hiện trạng này cũng là tất yếu, bởi EVFTA chỉ vừa mới kết thúc đàm phán, văn bản Hiệp định chưa được ký và các cam kết EVFTA chưa được thực thi, do đó chưa thể có các điểm hỏi đáp, thông tin về thực thi và xử lý vướng mắc phát sinh từ quá trình thực thi EVFTA.

Đề xuất đối với trường hợp này là Việt Nam cần nỗ lực thiết lập một Điểm thông tin và giải đáp về EVFTA một cách hiệu quả, thực chất. Trên thực tế, việc thực thi nghĩa vụ này của EVFTA có thể không đòi hỏi Việt Nam phải ban hành một văn bản pháp luật cụ thể nào nhưng lại yêu cầu các hành động cụ thể trên thực tế để thiết lập và vận hành Điểm đầu mối thông tin tư vấn này.

3. Nhóm các cam kết EVFTA về Minh bạch không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về nội dung

Chương Minh bạch và các Chương khác trong EVFTA bao gồm một số lượng không nhỏ các cam kết về nghĩa vụ trao đổi – cung cấp thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và EU. Đây là các cam kết không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung, do đó cũng sẽ không ảnh hưởng tới hệ thống pháp luật nội địa hiện hành.

Nhóm này bao gồm các cam kết sau:

Chương 18 về Minh bạch:

- Điều 4 - Điểm liên hệ và giải đáp: Cam kết xác định cán bộ chịu trách nhiệm cho việc trao đổi giữa VN-EU tại Điểm hỏi đáp; Cam kết thông tin cho EU và trả lời các câu hỏi liên quan tới các quy phạm pháp luật khi được yêu cầu;
- Điều 7 - Thực tiễn pháp lý tốt và ứng xử hành chính tốt: Cam kết phối hợp VN-EU trong nâng cao chất lượng văn bản pháp luật; Cam kết hướng tới thực tiễn tốt về ứng xử hành chính;
- Điều 8 – Các quy định đặc thù: Cam kết ưu tiên thực hiện các quy định liên quan tới minh bạch trong các Chương khác của EVFTA.

Các Chương khác có quy định về minh bạch

- Chương Đối xử quốc gia và Mở cửa thị trường cho hàng hóa: Điều 18 – Doanh nghiệp thương mại nhà nước (Cam kết cung cấp thông tin về các trường hợp doanh nghiệp thương mại nhà nước cụ thể theo yêu cầu của EU);
- Chương TBT: Điều 7 – Minh bạch: Cam kết tính đến quan điểm của EU khi lấy ý kiến công chúng về dự thảo TBT và trả lời các bình luận bằng văn bản khi được EU yêu cầu; Cam kết về các nghĩa vụ thông tin, tiếp nhận bình luận, trả lời bình luận của EU liên quan tới các dự thảo biện pháp TBT; Cam kết thông báo với EU về kết quả đánh giá tác động của dự thảo TBT khi được yêu cầu;
- Chương SPS: Điều về Minh bạch và Trao đổi thông tin: Các cam kết về nghĩa vụ thông tin, thông tin, phối hợp với EU liên quan tới các biện pháp SPS;
- Chương Hải quan và tạo thuận lợi thương mại: Xem Rà soát Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại;
- Chương Mua sắm công: Xem Rà soát Mua sắm công;
- Chương Doanh nghiệp Nhà nước: Điều 6 – Minh bạch: Cam kết cung cấp thông tin cho EU về các DNN;

- Chương Chính sách cạnh tranh: Mục Trợ cấp Điều x.4 – Minh bạch: Cam kết cung cấp thông tin cho EU về các biện pháp trợ cấp;
- Chương Sở hữu trí tuệ: Điều 6.10 – Hợp tác và Minh bạch: Cam kết về việc phối hợp trong thực thi và thông tin về các vấn đề đặc thù (thông tin xác định sản phẩm, chỉ dẫn địa lý).

Những vấn đề này vốn không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung, do đó không thuộc phạm vi của Rà soát này.

Mặc dù vậy, trong quá trình thực thi các cam kết thuộc nhóm này, các cơ quan liên quan vẫn rất cần chú ý việc rà soát các quy trình hoạt động nội bộ, xây dựng các cơ chế mới phù hợp cam kết, để triển khai thực thi hiệu quả các cam kết thuộc nhóm này.

Tóm lại

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA về Minh bạch cho thấy trong tổng thể pháp luật Việt Nam đã cơ bản tương thích với yêu cầu của EVFTA về vấn đề này, đặc biệt trong các chế định về soạn thảo, ban hành, công bố VBQPPL và cơ chế khiếu nại, khiếu kiện. Hiện chỉ còn một vài cam kết đơn lẻ trong khía cạnh thực thi, áp dụng pháp luật là pháp luật Việt Nam có điểm khác biệt, chưa tương thích với yêu cầu của Hiệp định.

Do đó, để thực thi các cam kết EVFTA về minh bạch, ngoài việc điều chỉnh một số ít quy định mang tính chi tiết, trên cơ bản Việt Nam sẽ không phải sửa đổi, bổ sung gì trong hệ thống pháp luật nội địa áp dụng chung để thực thi các cam kết EVFTA.

Liên quan tới các cam kết về việc công khai – trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quan của EU và Việt Nam, Việt Nam vẫn cần có các quy chế, cơ chế nội bộ trong các cơ quan liên quan để thực thi nghĩa vụ này, nhưng đó sẽ không phải là các quy phạm áp dụng chung cho các cá nhân, tổ chức.

Điều quan trọng hơn khi thực hiện cam kết EVFTA về minh bạch với Việt Nam là việc bảo đảm thực thi hiệu quả, thực chất trên thực tế các quy định hiện đã có trong pháp luật nội địa về vấn đề này. Do đó, các nỗ lực thúc đẩy thi hành hoặc kiểm soát hiệu quả thi hành pháp luật về ban hành VBQPPL, về ban hành quyết định hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, khiếu nại, khiếu kiện hành chính... rất cần được tập trung chú trọng.

Phần thứ hai
Bảng tổng hợp kết quả rà soát

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Điều khoản	Các cam kết cụ thể
CAM KẾT MINH BẠCH HÓA TRONG CHƯƠNG MINH BẠCH CỦA EVFTA	
ARTICLE 1 Definitions / Định nghĩa	Định nghĩa “Biện pháp có hiệu lực áp dụng chung”
ARTICLE 2 Objective and scope/ Mục tiêu và phạm vi	Cam kết theo đuổi mục tiêu thiết lập môi trường pháp lý có thể dự đoán trước và các thủ tục hiệu quả cho chủ thể kinh doanh
ARTICLE 3 Publication/ Công khai	Cam kết đảm bảo các quy phạm pháp luật được công bố nhanh chóng và có khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố và thời điểm có hiệu lực
ARTICLE 4 Enquiries and contact points/ Điểm liên hệ và giải đáp	Cam kết chỉ định một Điểm hỏi đáp để đảm bảo thực thi hiệu quả và tạo thuận lợi trong trao đổi giữa VN-EU
	Cam kết có các cơ chế để giúp các tổ chức, cá nhân giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc áp dụng các quy phạm pháp luật theo Hiệp định này
	Cam kết thông tin cho EU và trả lời các câu hỏi liên quan tới các quy phạm pháp luật khi được yêu cầu

Định nghĩa “Bên liên quan”

Cam kết

- Đăng tải dự thảo sớm
- Tạo cơ hội và dành đủ thời gian để các bên liên quan bình luận
- nỗ lực tiếp thu các bình luận

Cam kết có giải trình về mục tiêu và lý do dự thảo khi được yêu cầu

Cam kết xác định cán bộ chịu trách nhiệm cho việc trao đổi giữa VN-EU tại Điểm hỏi đáp

Cam kết thiết lập các cơ chế để trả lời cho các vướng mắc của các tổ chức, cá nhân liên quan tới các biện pháp có hiệu lực áp dụng chung

Ghi nhận rằng các câu trả lời, tư vấn theo cơ chế tại Điều 4 này không có giá trị bắt buộc và không có giá trị chung thẩm

Cam kết giải trình về lý do và mục tiêu của các quy phạm pháp luật khi được yêu cầu

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Điều khoản	Các cam kết cụ thể
CAM KẾT MINH BẠCH HÓA TRONG CHƯƠNG MINH BẠCH CỦA EVFTA	
ARTICLE 5 Administration of measures of general application /Quản lý các quy phạm pháp luật	Cam kết quản lý, thi hành các quy phạm một cách thống nhất, khách quan, hợp lý
	Cam kết đảm bảo các thủ tục được tiến hành phù hợp với pháp luật
ARTICLE 6 Review and appeal/Xem xét lại và phúc thẩm	Cam kết duy trì các thủ tục hành chính, tư pháp, trọng tài cho phép xem xét lại hoặc phúc thẩm các quyết định hành chính độc lập với cơ quan đã ban hành quyết định hành chính
ARTICLE 7 Good Regulatory practice and administrative behaviour /Thực tiễn pháp lý tốt và ứng xử hành chính tốt	Cam kết phối hợp VN-EU trong nâng cao chất lượng văn bản pháp luật
ARTICLE 8 Specific rules / Các quy định đặc thù	Cam kết ưu tiên thực hiện các quy định liên quan tới minh bạch trong các Chương khác của EVFTA
CAM KẾT MINH BẠCH HÓA TRONG CÁC CHƯƠNG KHÁC CỦA EVFTA	
Chapter national treatment and market access for goods / Chương Đối xử quốc gia và Mở cửa thị trường cho hàng hóa	Điều 13-Các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu Cam kết đảm bảo các yêu cầu về minh bạch khi thực hiện các biện pháp hạn chế XNK

Cam kết nỗ lực thông tin cho các chủ thể liên quan về các thủ tục áp dụng quy phạm pháp luật liên quan đến họ (với các nội dung thông tin được nêu rõ trong cam kết)

Cam kết dành cho các chủ thể liên quan cơ hội được trình bày quan điểm trước khi ra quyết định hành chính cuối cùng

Cam kết đảm bảo các cơ quan xem xét lại, phúc thẩm tạo cơ hội hợp lý để các bên trình bày lập luận và quyết định dựa trên các chứng cứ

Cam kết đảm bảo các quyết định xem xét lại hoặc phúc thẩm quyết định hành chính sẽ được cơ quan hành chính ban hành quyết định thực thi

Cam kết hướng tới thực tiễn tốt về ứng xử hành chính

Điều 18 – Doanh nghiệp thương mại nhà nước

Cam kết cung cấp thông tin về các trường hợp doanh nghiệp thương mại nhà nước cụ thể theo yêu cầu của EU

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Điều khoản	Các cam kết cụ thể
CAM KẾT MINH BẠCH HÓA TRONG CÁC CHƯƠNG KHÁC CỦA EVFTA	
Chapter trade remedies / Chương phòng vệ thương mại Điều 2 - Minh bạch	Cam kết tuân thủ đúng WTO và theo các cơ chế minh bạch, công bằng khi áp dụng các biện pháp PVTM
Chapter custom and trade facilitation / Chương hải quan và tạo thuận lợi thương mại	Xem Rà soát PLVN với cam kết EVFTA về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại
Chapter technical barriers to trade / Chương TBT Điều 7 - Minh bạch	Cam kết tính đến quan điểm của EU khi lấy ý kiến công chúng về dự thảo TBT và trả lời các bình luận bằng văn bản khi được EU yêu cầu
	Cam kết về các nghĩa vụ thông tin, tiếp nhận bình luận, trả lời bình luận của EU liên quan tới các dự thảo biện pháp TBT
	Cam kết về việc cung cấp thông tin cho EU về TBT theo ngôn ngữ chính thức của WTO
Chapter sanitary and phytosanitary measures / Chương SPS	Điều về Minh bạch và Trao đổi thông tin Các cam kết về nghĩa vụ thông tin, thông tin, phối hợp với EU liên quan tới các biện pháp SPS

Cam kết về việc công khai thông tin về các sự việc và đánh giá sử dụng để ra kết luận trong vụ việc để các bên có cơ hội bình luận trước khi ra kết luận cuối cùng

Cam kết tạo cơ hội để các bên liên quan được trình bày quan điểm trong quá trình điều tra

Cam kết đảm bảo các chủ thể EU liên quan được tham vấn khi xây dựng các dự thảo TBT bình đẳng với chủ thể Việt Nam

Cam kết thông báo với EU về kết quả đánh giá tác động của dự thảo TBT khi được yêu cầu

Cam kết đảm bảo khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố và thời điểm có hiệu lực của biện pháp TBT

Cam kết công khai trên website miễn phí các biện pháp TBT có hiệu lực

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Điều khoản	Các cam kết cụ thể
CAM KẾT MINH BẠCH HÓA TRONG CÁC CHƯƠNG KHÁC CỦA EVFTA	
Chapter on government procurement / Chương mua sắm công	Xem Rà soát PLVN với cam kết EVFTA về Mua sắm công
SECTION III: State owned enterprises, enterprises granted special rights or privileges and monopolies / Chương DNNN	Điều 6 – Minh bạch Cam kết cung cấp thông tin cho EU về các DNNN
Competition Policy Chapter / Chương chính sách cạnh tranh	Mục Trợ cấp Điều x.4 – Minh bạch Cam kết cung cấp thông tin cho EU về các biện pháp trợ cấp
Chapter Intellectual Property / Chương Sở hữu trí tuệ	Điều 6.10 – Hợp tác và Minh bạch Cam kết về việc phối hợp trong thực thi và thông tin về các vấn đề đặc thù (thông tin xác định sản phẩm, chỉ dẫn địa lý)
Trade and sustainable development / Chương thương mại và phát triển bền vững	Điều 12 – Minh bạch Cam kết thông tin và tạo cơ hội cho các bên liên quan bình luận đối với các biện pháp ảnh hưởng tới phát triển bền vững

Phần thứ ba
Bảng rà soát chi tiết

I – Chương Minh bạch hoá

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
ARTICLE 1 Definitions For the purposes of this Chapter “measure of general application” includes laws, regulations, judicial decisions, procedures and administrative rulings of general application that may have an impact on any matter covered by this Agreement; and	- Điều 2, Điều 3.1, Điều 4 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật (Luật Ban hành VBQPPL) 2015¹ Luật ban hành VBQPPL 2015 Điều 2 - Văn bản quy phạm pháp luật Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này. Văn bản có chứa quy phạm, pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.	Đánh giá: Khái niệm “các biện pháp có hiệu lực áp dụng chung” của EVFTA gần tương tự với khái niệm “quy phạm pháp luật” trong PLVN, tuy nhiên có điểm khác biệt: • Về hình thức, cơ quan ban hành: EVFTA không giới hạn ở hình thức, cơ quan ban hành biện pháp (biện pháp có thể được ban hành dưới bất kỳ hình thức nào, do bất kỳ cơ quan nào ban hành, miễn là có hiệu lực áp dụng chung). Theo PLVN, quy phạm (quy tắc xử sự có giá trị áp dụng chung) được giới hạn ở các trường hợp do các chủ thể nhất định ban hành, theo các hình thức nhất định (Điều 4 Luật Ban hành VBQPPL). Do đó, PLVN hẹp hơn định nghĩa của EVFTA. Tuy nhiên, ngoài các quy phạm, trong PLVN chỉ còn quyết định hành chính (không có giá trị áp dụng chung cho tất cả các chủ thể pháp luật mà chỉ áp dụng pháp luật trong từng trường hợp cụ thể, hoặc cho các trường hợp định hướng chính sách, chủ trương không bao gồm quy tắc xử sự chung...), vì vậy mặc dù có giới hạn hẹp hơn về hình thức cơ quan ban hành, PLVN đã tương thích với EVFTA về nội dung này.

1/ Luật số 80/2015/QH13 của Quốc hội ngày 22/06/2015 về ban hành văn bản quy phạm pháp luật (“Luật ban hành VBQPPL 2015”). Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, như vậy khi EVFTA có hiệu lực (dự kiến trong năm 2017-2018), Luật 2015 này sẽ được áp dụng. Vì vậy mặc dù Rà soát được thực hiện vào thời điểm Luật ban hành VBQPPL 2008 vẫn đang có hiệu lực nhưng các nội dung rà soát sẽ được thực hiện với Luật 2015.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành. Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 1. Hiến pháp. 2. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội. 3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. 5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. 7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. 8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư	• Về phạm vi: EVFTA giới hạn ở các biện pháp liên quan tới các vấn đề thuộc EVFTA, trong khi PLVN không có giới hạn về phạm vi các quy phạm. Tuy nhiên, các quy tắc áp dụng cho các “quy phạm pháp luật” theo PLVN cũng đồng thời áp dụng cho các “biện pháp có giá trị áp dụng chung” của EVFTA, do đó PLVN đã tương thích với EVFTA ở vấn đề này. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì từ góc độ pháp luật.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước. 9. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh). 10. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 11. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. 12. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện). 13. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện. 14. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã). 15. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.	
“interested person” means any natural or legal person that may be affected by a measure of general application.	- Luật ban hành VBQPPL 2015 Điều 3. Giải thích từ ngữ	Đánh giá: Khái niệm “chủ thể liên quan” theo định nghĩa trong EVFTA rộng hơn khái niệm “Đối tượng chịu sự tác

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành.	động trực tiếp của VBQPPL” của PLVN: PLVN giới hạn ở “đối tượng chịu tác động trực tiếp” trong khi EVFTA bao gồm cả chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp. Tuy nhiên, trên thực tế, các vấn đề liên quan tới việc soạn thảo, ban hành VBQPPL có giá trị áp dụng chung của PLVN đều áp dụng cho tất cả các chủ thể có liên quan (không phụ thuộc vào việc chủ thể đó là đối tượng chịu tác động trực tiếp hay không trực tiếp. Vì vậy về cơ bản hiện trạng VN đã tương thích với EVFTA (dù câu chữ trong quy định không hoàn toàn trùng khớp). Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
ARTICLE 2 OBJECTIVE AND SCOPE Recognising the impact that regulatory environment and procedures may have on trade and investment, the Parties shall pursue a predictable regulatory environment and efficient procedures for economic operators, especially small and medium-sized enterprises.	- Luật ban hành VBQPPL 2015 Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật 1. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. 2. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 3. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.	Đánh giá • PLVN không định rõ nguyên tắc về một hệ thống pháp luật “có thể dự đoán được” và “thủ tục hiệu quả” như trong EVFTA. Tuy nhiên, PLVN gián tiếp đề cập tới các nguyên tắc này ở mức độ thấp hơn, thông qua các nguyên tắc về “tính minh bạch”, “tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện”, “công khai, dân chủ trong tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị”. • Liên quan tới vấn đề minh bạch trong xây dựng và thực thi các quy

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	4. Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính. 5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 6. Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. 2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.	phạm, PLVN có các quy định áp dụng chung cho các chủ thể, không giới hạn ở các chủ thể kinh doanh, cũng không có nhấn mạnh riêng tới SME như trong EVFTA. Cần chú ý là trong EVFTA, đây là nghĩa vụ bắt buộc phải “theo đuổi” (theo nghĩa phải “hướng tới”) các mục tiêu liên quan. Do đó, một mặt nghĩa vụ này không đòi hỏi Việt Nam phải ghi nhận rõ ràng về các nguyên tắc này (nghĩa vụ về cách thức), mặt khác yêu cầu Việt Nam phải hiện thực hóa các mục tiêu này trên thực tế (nghĩa vụ về kết quả) Đề xuất: • Không đề xuất sửa đổi pháp luật (mặc dù trong tương lai nếu Luật Ban hành VBQPPL được xem xét sửa đổi, cần chú ý bổ sung thêm nguyên tắc “có thể dự đoán trước được”) • Cam kết ở nội dung này tập trung vào nghĩa vụ về kết quả, vì vậy Việt Nam cần chú ý về cách thức thực thi nhằm đảm bảo mục tiêu của EVFTA ở Điều này

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	3. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản.	
ARTICLE 3 PUBLICATION		
1. Each Party shall ensure that measures of general application: (a) are published promptly via an officially designated medium, including where possible electronic means, in such a manner as to enable governments and interested persons to become acquainted with them; and (b) allow for a sufficient period of time, between publication and entry into force of such measures, except where not possible on grounds of urgency.	- Điều 5, Điều 6, Điều 80, Điều 146, Điều 150 đến Điều 154 Luật ban hành VBQPPL 2015. - Nghị định 100/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/09/2010 về Công báo (Hướng dẫn thi hành bởi Thông tư 03/2011/TT-VPCP) (Đây là văn bản hướng dẫn Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2008, nên có khả năng sẽ hết hiệu lực và được thay thế bởi các văn bản hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL 2015) Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật 1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. 2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân	Đánh giá: PLVN đã phù hợp với cam kết tại Điều của EVFTA về: - Việc đăng tải văn bản quy phạm (chứa quy định có hiệu lực áp dụng chung) trên các kênh chính thức; thậm chí Việt Nam đã đi xa hơn cam kết EVFTA trong việc đăng tải thông tin qua hình thức điện tử (Công báo điện tử); trên thực tế website của các Bộ ngành, UBND tỉnh cũng đăng tải các VBQPPL ngày từ trước thời điểm có hiệu lực của các văn bản này (Việt Nam đã thực hiện dù cam kết trong EVFTA về việc đăng tải điện tử là không bắt buộc) - Đảm bảo khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm đăng tải và thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt phải được đăng Công báo cấp tỉnh. 3. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định. 4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai. Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 15 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành, 07 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt ban hành kể từ ngày nhận được văn bản. 5. Văn bản quy phạm pháp luật đăng trên Công báo in và Công báo điện tử là văn bản chính thức và có giá trị như văn bản gốc. 6. Chính phủ quy định về Công báo và niêm yết văn bản quy phạm pháp luật.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật 1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. 2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành. Điều 152. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật 1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước. 2. Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây: a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý; b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn. 3. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước. Nghị định 100/2010/NĐ-CP về Công báo Điều 2. Chức năng của Công báo 1. Công báo là ấn phẩm thông tin pháp lý chính thức của Nhà nước, do Chính phủ thống nhất quản lý, có chức năng đăng các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phối hợp ban hành, các điều ước quốc tế đã có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật khác theo quy định. 2. Công báo gồm có Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	do Văn phòng Chính phủ xuất bản và Công báo cấp tỉnh do Văn phòng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuất bản. Điều 3. Hình thức Công báo 1. Công báo được xuất bản dưới hình thức Công báo in và Công báo điện tử. Điều 13. Thời hạn đăng văn bản trên Công báo 1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm đăng văn bản đó trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng văn bản đó trên Công báo cấp tỉnh. 3. Việc đăng văn bản trên Công báo điện tử được thực hiện đồng thời với việc đăng văn bản đó trên Công báo in và từ cùng một cơ sở dữ liệu.	
2. Each Party shall: (a) endeavour to publish at an early appropriate stage any proposal to adopt or amend any measure of general application, including, upon request, an explanation of the objective of, and rationale for the proposal;	- Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36, Điều 57, Điều 81.4, Điều 85, Điều 86, Điều 91, Điều 97, Điều 101, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 109, Điều 110, Điều 113, Điều 120, Điều 133, Điều 142, Điều 146, Điều 148 Luật ban hành VBQPPL 2015.	Đánh giá: 1. Về yêu cầu đăng tài dự thảo, giải thích lý do, mục tiêu của VBQPPL • PLVN đã tương thích với yêu cầu đăng tài dự thảo của EVFTA. Tuy nhiên, trên thực tế, vấn đề thời gian đăng tài “đủ sớm hợp lý” hay

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(b) provide reasonable opportunities for interested persons to comment on any proposal to adopt or amend any measure of general application, allowing, in particular, for sufficient time for such opportunities, except where not possible on grounds of urgency; and (c) endeavour to take into consideration the comments received from interested persons with respect to any proposal to adopt or amend any measure of general application.	Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. 2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật. 3. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản. Điều 36. Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh 1. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm sau đây: a) Đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của	không còn phụ thuộc vào việc dự thảo được đăng tải có phải là dự thảo mới nhất hay không. - Về việc công bố, trên cơ sở có yêu cầu, các giải trình về mục tiêu và lý do của các dự thảo PLVN đã đáp ứng một phần thông qua quy định về việc đăng tải Báo cáo tổng kết, đánh giá tác động khi lấy ý kiến đối với Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đăng tải Tờ trình kèm theo dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định (suy đoán là các văn bản được đăng tải này có chứa các giải trình về mục tiêu, lý do của VBQPPL đề xuất xây dựng). Đối với các trường hợp này, việc đăng tải là bắt buộc, không phụ thuộc vào việc có yêu cầu gửi đến hay không; PLVN chưa quy định về việc đăng tải mục tiêu, lý do của VBQPPL đề xuất đối với trường hợp của các dự thảo VBQPPL còn lại (thông tư, nghị quyết của Tòa án, Hội đồng nhân dân...) theo yêu cầu. 2. Về việc tạo cơ hội hợp lý và đủ thời gian cần thiết để các bên liên quan bình luận - PLVN đã quy định về quy trình lấy ý kiến đối tượng “chịu sự tác động trực tiếp” đối với tất cả các dự thảo VBQPPL các cấp với các thời hạn góp ý 30-60 ngày. Thực tế việc lấy ý kiến góp ý không giới hạn ở các đối tượng chịu tác động trực tiếp mà mở ra cho tất cả các đối tượng muốn

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Quốc hội đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày; b) Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; c) Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử quy định tại khoản này. Điều 55. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết 3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo và đăng tải dự án, dự thảo trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo; tổng hợp và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu	góp ý. Do đó PLVN cơ bản đã tương thích với EVFTA. - Tuy nhiên, trên thực tế, thời hạn góp ý có đủ hay không còn phụ thuộc vào việc dự thảo được lấy ý kiến là dự thảo nào (có trường hợp chỉ đăng dự thảo đầu tiên, và dù vẫn đảm bảo thời hạn góp ý như luật định nhưng vẫn không đủ thời gian cần thiết cho các chủ thể liên quan góp ý cho các dự thảo sau đó hoặc dự thảo cuối). 3. Về cam kết nỗ lực xem xét, cân nhắc các ý kiến góp ý trong quá trình điều chỉnh dự thảo - PLVN cơ bản đã tuân thủ yêu cầu của EVFTA (mặc dù đây chỉ là yêu cầu “nỗ lực”, không phải nghĩa vụ bắt buộc về kết quả): đối với tất cả các dự thảo đều có quy định buộc cơ quan chủ trì soạn thảo phải tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến; thậm chí đối với các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định, nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến còn phải được đăng tải công khai trên website của cơ quan đó; - Tuy nhiên, vấn đề tồn tại nằm ở hiệu quả thực thi các quy định về vấn đề này Đề xuất: 1. Đối với việc đăng tải lý do, mục tiêu của dự thảo khi có yêu cầu: Đưa vào Nghị định hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL 2015 (hiện đang trong quá trình soạn thảo) quy định về việc

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo. Điều 57. Lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết 1. Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định, cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý. Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. 2. Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này, việc	bắt buộc đăng tải lý do, mục tiêu của dự thảo khi đăng tải dự thảo để lấy ý kiến công chúng (có thể áp dụng chung cho mọi trường hợp, không kể là có yêu cầu hay không) đối với tất cả các dự thảo văn bản hoặc ít nhất là các dự thảo văn bản cấp dưới luật, pháp lệnh, nghị định; 2. Chú ý vấn đề thực thi để đảm bảo cam kết trong EVFTA về: • Đăng tải sớm • Đảm bảo đủ thời gian góp ý cho các bên liên quan • Tiếp thu ý kiến góp ý

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	lấy ý kiến có thể thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. 3. Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức mình để Nhân dân biết. 4. Đối với dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội soạn thảo, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Viện nghiên cứu lập pháp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Điều này. Điều 91. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị định Trong quá trình soạn thảo nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 57 của Luật này. Điều 101. Soạn thảo thông tư 2. Trong quá trình soạn thảo thông tư, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ trong thời gian ít nhất là 60 ngày. Điều 105. Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao 2. Dự thảo nghị quyết được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao trong thời gian ít nhất là 60 ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Điều 120. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết 1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. 2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.	
ARTICLE 4 ENQUIRIES AND CONTACT POINTS		
1. Each Party shall, upon the entry into force of this Agreement, designate a contact point in order to ensure the effective implementation of this Agreement and to facilitate communications between the Parties on any matter covered by this Agreement.	Pháp luật Việt Nam chưa có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.	Đánh giá: Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định pháp luật về điểm hỏi đáp nhằm thực thi Hiệp định EVFTA. Đề xuất: (i) Trường hợp cam kết được hiểu là “thiết lập Đầu mối thông tin” đảm bảo việc thực thi hiệu quả EVFTA phục vụ cho tất cả các đối tượng: Việt Nam cần thiết lập và xây dựng cơ chế vận hành cho Đầu mối thông tin này (nếu cần thiết có thể dưới dạng một VBQPPL – ví dụ Quyết định của Thủ tướng); (ii) Trường hợp cam kết được hiểu là Đầu mối thông tin chỉ để phục vụ cho Chính phủ hai Bên (VN-EU): Đây không phải vấn đề của pháp luật nội địa, do đó không đề xuất gì từ góc độ pháp luật. Nếu kết hợp với khoản 3 Điều 4 Chương này thì nên lựa chọn cách giải thích (i) để đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm trong thực thi các quy định liên quan. Cụ thể là đề xuất xây dựng 01 Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. Upon request of the other Party, the contact points shall identify the office or official responsible for the matter and assist, as necessary, in facilitating communication with the requesting Party.	Pháp luật Việt Nam chưa có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.	Đánh giá: Đây là vấn đề không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về nội dung. Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Cần chú ý đảm bảo triển khai nghĩa vụ này trong quá trình thực thi
3. Each Party shall, within its available resources, establish or maintain appropriate mechanisms, including those provided in other chapters, for responding to enquiries from any interested person regarding any measures of general application which are proposed or in force, and how they would be applied. Enquiries may be addressed through contact points established under paragraph 1 or any other mechanism as appropriate, unless a specific mechanism is established in this Agreement.	Pháp luật Việt Nam chưa có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.	Đánh giá: Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định pháp luật về điểm hỏi đáp nhằm thực thi Hiệp định EVFTA, do đó, cũng chưa có quy định nào đảm bảo yêu cầu tại khoản này của EVFTA về: • Trả lời câu hỏi từ các bên chịu tác động về bất kỳ biện pháp nào có giá trị áp dụng chung nhằm thực thi EVFTA; • Thiết chế/cơ chế thực hiện việc trả lời này Đề xuất: Kết hợp với đề xuất tại khoản 1 Điều 4, đề xuất thiết lập và xây dựng cơ chế vận hành cho Đầu mối thông tin về EVFTA tại Việt Nam, phụ trách cả việc thông tin cho EU và tư vấn về các biện pháp thực thi EVFTA cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ở Việt Nam trong khuôn khổ 01 Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
4. Each Party shall provide for mechanisms available for interested persons seeking a solution to problems that have arisen from the application of measure of general application under this Agreement.	- Luật Khiếu nại, Luật tổ tụng hành chính - Trong phần lớn các VBQPPL Việt Nam đều có các quy định liên quan đến việc giải quyết vướng mắc phát sinh trong áp dụng các QPPL, trong đó có các QPPL thuộc các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA - PLVN chưa có quy định nào về việc giải quyết các vướng mắc phát sinh từ các QPPL thực thi các cam kết EVFTA	Đánh giá: • Từ góc độ giải quyết vướng mắc thực thi pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật thuộc các lĩnh vực mà EVFTA có điều chỉnh: PLVN đã tương thích EVFTA • Từ góc độ giải quyết vướng mắc thực thi các cam kết EVFTA: PLVN chưa có quy định Đề xuất: Đưa các quy định về cơ chế giải quyết vướng mắc trong thực thi EVFTA vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA (như đề xuất tại khoản 1, 3 Điều 4 EVFTA này)
5. The Parties recognise that responses provided for in this Article may not be definitive or legally binding but for information purposes only.	Pháp luật Việt Nam không có quy định pháp luật về nội dung tương ứng	Đánh giá: PLVN chưa có quy định về vấn đề này. Đề xuất: Đưa quy định về giá trị pháp lý (không chung thẩm, không bắt buộc) của các thông tin tư vấn, trả lời đưa ra bởi Đầu mối thông tin EVFTA trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA.
6. Each Party shall provide, upon request, an explanation of the objective of, and rationale for measures of general application.	Pháp luật Việt Nam không quy định trực tiếp	Đánh giá: PLVN chưa tương thích với EVFTA về vấn đề này

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		Đề xuất: Mặc dù cam kết này nếu được áp dụng chung (cho tất cả các trường hợp) sẽ tạo ra bước tiến lớn về minh bạch cho hệ thống pháp luật Việt Nam, nếu đề xuất sửa đổi Luật Ban hành VBQPPL để đưa quy định như trong cam kết này vào PLVN thì có lẽ không khả thi bởi điều này sẽ tạo ra gánh nặng lớn cho các cơ quan thực thi (mà số lượng các cơ quan này thì rất nhiều, cả cấp trung ương và địa phương). Trong khi đó, phương án xây dựng quy định trong pháp luật nội địa để chỉ áp dụng cho các VBQPPL thực thi EVFTA cũng không giúp giảm bớt gánh nặng này (bởi dù số lượng VBQPPL thuộc nhóm phải thực thi có thể nhỏ, nhưng diện cơ quan ban hành không thay đổi), hơn nữa không thật khả thi từ góc độ hệ thống pháp luật (không biết xếp quy định này vào Văn bản nào). Giải pháp khả thi và hiệu quả nhất là đưa vào Nghị định hướng dẫn Luật Ban hành VBQPPL (hiện đang được soạn thảo) quy định về việc cơ quan ban hành khi ban hành VBQPPL đồng thời có kèm theo Bản thuyết minh chính thức về các mục tiêu và lý do của VBQPPL được ban hành: • Theo cách này các cơ quan liên quan sẽ không phải trả lời về mục tiêu, lý do của VBQPPL theo yêu cầu của từng tổ chức, cá nhân • Tuy nhiên, cách này có thể sẽ không đảm bảo đầy đủ yêu cầu của

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		EVFTA về vấn đề này ở mức độ chi tiết của thông tin (bởi EVFTA yêu cầu giải thích mục tiêu, lý do của “từng biện pháp” cụ thể, trong khi theo cách này thì là các mục tiêu, lý do chung của toàn bộ VBQPPL, mà trong VBQPPL có thể có nhiều các biện pháp khác nhau).
7. Upon request of a Party, the other Party shall promptly provide information and respond to questions pertaining to any actual or proposed measure of general application that the requesting Party considers might materially affect the operation of this Agreement, regardless of whether the requesting Party has been previously notified of that measure.	Pháp luật Việt Nam không có quy định pháp luật về nội dung tương ứng.	Đánh giá: PLVN chưa tương thích. Tuy nhiên đây không phải là vấn đề của pháp luật nội địa về nội dung mà là vấn đề hợp tác, phối hợp giữa VN và EU. Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Có thể đưa quy định cụ thể hóa cam kết ở khoản 7 này vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Điểm thông tin, tư vấn, thực thi EVFTA
ARTICLE 5 ADMINISTRATION OF MEASURES OF GENERAL APPLICATION		
Each Party shall administer in a uniform, objective, impartial and reasonable manner all measures of general application.	- Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật Điều 10. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật 1. Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.	Đánh giá: PLVN không có quy định trực tiếp về các nguyên tắc áp dụng, quản lý việc thi hành các VBQPPL mà chỉ có quy định gián tiếp về vấn đề này thông qua việc theo dõi thi hành pháp luật, trong đó có:

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền. 3. Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Điều 14. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật 1. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây: a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật; c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực; d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật; đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;	• Các tiêu chí theo dõi về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan, cán bộ Nhà nước; Tính thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật • Biện pháp xử lý kết quả theo dõi “nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật” • Không có nội dung nào về “tính hợp lý” trong áp dụng pháp luật Đề xuất: Các nguyên tắc áp dụng (quản lý) việc áp dụng các QPPL như trong cam kết EVFTA này là hợp lý, rất có ý nghĩa nếu được áp dụng trên bình diện chung (chứ không riêng với các vấn đề thuộc phạm vi EVFTA). Vì vậy, đề xuất bổ sung 01 Điều về nguyên tắc thi hành pháp luật vào Nghị định 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật bổ sung các nguyên tắc như nêu tại cam kết này vào Điều 10 Nghị định này (dưới hình thức các tiêu chí để theo dõi thi hành pháp luật)

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Each Party, in applying such measures to particular persons, goods or services of the other Party in specific cases, shall (a) endeavour to provide interested persons, that are directly affected by a proceeding, with reasonable notice, in accordance with its domestic procedures, when a proceeding is initiated, including a description of the nature of the proceeding, a statement of the legal authority under which the proceeding is initiated and a general description of any issues in controversy;	e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. - Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012² - Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính - Các VBQPPL khác có quy định về các thủ tục hành chính, quyết định hành chính - Luật Tố tụng Dân sự 2015³ (đặc biệt là Điều 4.2, Điều 4.3, Điều 196, Điều 464.1, và Phần thứ tám – Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài (Từ Điều 464 đến Điều 481) - Luật Tố tụng Hình sự 2015 (Điều 3.2) - Luật Tố tụng Hành chính 2015⁴ (Chương XVIII) - Luật Trọng tài thương mại 2010	Đánh giá: 1. Liên quan tới các thủ tục hành chính, tư pháp nhằm áp dụng pháp luật xuất phát từ yêu cầu của chính tổ chức, cá nhân PLVN cơ bản đã tương thích với yêu cầu tại điểm này của EVFTA về việc thông báo trước cho tổ chức, cá nhân liên quan về việc bắt đầu thủ tục, về bản chất của thủ tục, đối tượng của thủ tục... (suy đoán là khi tổ chức cá nhân có yêu cầu thì họ đã biết về thủ tục liên quan) 2. Liên quan tới các thủ tục hành chính, tư pháp nhằm áp dụng pháp luật xuất phát từ cơ quan Nhà nước hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác: • Thủ tục tố tụng: PLVN đã tương thích với EVFTA (thông qua các Thông báo về việc thụ lý vụ việc, Giấy mời, Giấy triệu tập liên quan tới tố tụng giải quyết vụ việc...) • Thủ tục hành chính: Trong các quy định pháp luật cụ thể có thể có các quy định về việc thông báo với một hoặc một số các nội dung như yêu cầu của EVFTA cho đương sự biết; Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành

2/ Bản Dự thảo đưa ra xin ý kiến tại phiên họp thứ 41 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII, 9/2015

3/ Luật số 92/2015/QH13 của Quốc hội ngày 25/11/2015 về Tố tụng dân sự ("Luật Tố tụng dân sự 2015") (Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016)

4/ Luật số 93/2015/QH13 của Quốc hội ngày 25/11/2015 về Tố tụng hành chính ("Luật Tố tụng hành chính 2015") (Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016)

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		chính không có quy định nào về việc thông báo này. Tuy nhiên, do quy định tại điểm này của EVFTA nhấn mạnh yếu tố “phù hợp với thủ tục nội địa” nên Việt Nam vẫn có thể tiếp tục các quy định hiện tại mà không vi phạm cam kết này của EVFTA. Đề xuất: Mặc dù về nguyên tắc Việt Nam không phải sửa đổi pháp luật để thực hiện cam kết này của EVFTA, đây là một nội dung minh bạch rất có ý nghĩa với các tổ chức cá nhân trong quan hệ với các cơ quan hành chính Nhà nước. Vì vậy, đề xuất đưa 01 Điều về việc thông báo cho đương sự về thủ tục hành chính (với các nội dung như trong cam kết này của EVFTA) vào Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính.
(b) afford such interested persons a reasonable opportunity to present facts and arguments in support of their positions prior to any final administrative action, when time, the nature of the proceeding and the public interest permit; and	- Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 - Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính⁵ - Các VBQPPL khác có quy định về các thủ tục hành chính, quyết định hành chính	Đánh giá PLVN (hiện hành hoặc dự thảo) đã quy định về việc tạo cơ hội cho người liên quan (đối tượng phải thi hành, cộng đồng...) được giải trình, nêu ý kiến... trước khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hành chính.

5/ Bản Dự thảo đưa ra xin ý kiến tại phiên họp thứ 41 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII, 9/2015

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Luật Xử lý vi phạm hành chính Điều 61. Giải trình 1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 2. Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm.	Mặc dù vẫn có những trường hợp không lấy ý kiến (ví dụ xử phạt hành chính dưới một mức nhất định) nhưng do cam kết EVFTA chỉ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ này “khi thời gian, tính chất của thủ tục và lợi ích công cộng cho phép” nên về nguyên tắc PLVN đã tương thích. Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, bổ sung gì về pháp luật • Chú ý giữ quy định tại Điều 26, 28 Dự thảo Luật Ban hành Quyết định hành chính

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện việc giải trình bằng văn bản. 3. Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm. Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì các bên phải ký vào từng tờ biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản. Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính Điều 26. Lấy ý kiến của đối tượng thi hành, bên thứ ba, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan 1. Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành, bên thứ ba, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước, cơ quan ban hành quyết định hành chính có trách nhiệm: a) Tạo điều kiện cho đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba có ý kiến bằng văn bản hoặc được trình bày trực tiếp nếu người đó có yêu cầu; b) Tạo điều kiện cho đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba, có ý kiến bằng văn bản có chữ ký của những người liên quan hoặc trình bày ý kiến trực tiếp của người đại diện được chỉ định đối với quyết định hành chính bất lợi đối với nhiều người; c) Trường hợp cần thiết có thể tổ chức cuộc họp có sự tham gia của tổ chức, cá nhân liên quan trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi đối với nhiều người. Đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba có thể tự mình	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	hoặc ủy quyền cho người đại diện trình bày ý kiến của mình. 2. Trường hợp pháp luật quy định việc ban hành quyết định hành chính phải lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn thì cơ quan ban hành quyết định phải tổ chức lấy ý kiến theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải trả lời trong thời hạn yêu cầu; trường hợp cơ quan, tổ chức không gửi ý kiến hoặc không gửi trong thời hạn yêu cầu thì ý kiến đó không được xem xét. 3. Ý kiến tham vấn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải được cơ quan ban hành quyết định hành chính tổng hợp, giải trình về việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến và gửi cùng với hồ sơ trình ký ban hành quyết định hành chính. Điều 28. Tham vấn ý kiến cộng đồng 1. Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính có liên quan đến lợi ích công cộng, căn cứ vào nội dung, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của quyết định hành chính, cơ quan ban hành quyết định hành chính tổ chức lấy ý kiến người dân tại cộng đồng, các chuyên gia, nhà khoa học, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước. 2. Việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức phát phiếu điều tra, phỏng	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	vấn, phiếu góp ý, tổ chức cuộc họp lấy ý kiến, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với đối tượng được lấy ý kiến. 3. Cơ quan ban hành quyết định hành chính phải dành ít nhất 20 (hai mươi) ngày để đăng tải dự thảo quyết định hành chính và các hồ sơ, tài liệu liên quan trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành quyết định hành chính hoặc niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan. Hồ sơ, tài liệu phải nêu rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, mục đích ban hành quyết định hành chính. 4. Cơ quan ban hành quyết định hành chính có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn.	
(c) ensure that its procedures are based on and in accordance with its domestic law.	PLVN	Đánh giá: Về nguyên tắc, các thủ tục pháp luật hành chính và tổ tụng hiện đều phải căn cứ vào quy định pháp luật liên quan. Do đó, PLVN về nguyên tắc đã tương thích với cam kết này của EVFTA. Tuy nhiên, cần chú ý rằng cam kết của EVFTA ở đây còn nhấn mạnh tới việc đảm bảo tuân thủ pháp luật trong thực thi các thủ tục trên thực tế (chứ không chỉ vấn đề quy định về thủ tục trong văn bản pháp luật).

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Để thực thi thực chất yêu cầu này của EVFTA, cần chú ý kiểm soát đảm bảo các thủ tục tố tụng và hành chính tuân thủ các quy định pháp luật liên quan
ARTICLE 6 REVIEW AND APPEAL		
1. Each Party shall establish or maintain, in accordance with its domestic law, judicial, arbitral or administrative tribunals or procedures for the purpose of the prompt review and, where warranted, correction of administrative action relating to matters covered by this Agreement. Such tribunals and its procedures shall be impartial and independent of the office or authority entrusted with administrative enforcement and shall not have any substantial interest in the outcome of the matter	- Luật khiếu nại 2011 Điều 3. Áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại 1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Điều 7. Trình tự khiếu nại - Người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. - Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người	Đánh giá: PLVN hiện hành đã có quy định phù hợp với các yêu cầu cam kết tại khoản 1 Điều 6 về: • Cơ chế khiếu nại, khiếu kiện để xem xét lại/sửa các quyết định hành chính, trong đó có các quyết định liên quan tới các vấn đề thuộc phạm vi của EVFTA • Các cơ chế này (cùng với các thủ tục tố tụng chi tiết) đã cho phép bảo đảm khách quan, độc lập giữa cơ quan xem xét khiếu nại, khiếu kiện với cơ quan ra quyết định hành chính liên quan Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. - Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. - Luật Tố tụng hành chính Điều 28. Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án 1. Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức. Điều 163. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử 1. Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định: a) Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật; b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; c) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên bố một số hoặc toàn bộ các hành vi hành chính là trái pháp luật; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật; d) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật; buộc người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đ) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp luật; buộc cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh giải quyết lại vụ việc theo quy định của Luật cạnh tranh;	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	e) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện; buộc cơ quan lập danh sách cử tri sửa đổi, bổ sung danh sách cử tri theo quy định của pháp luật; g) Buộc cơ quan, tổ chức bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp luật gây ra; h) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước.	
2. Each Party shall ensure that, in any such tribunals or procedures, the parties to the proceeding are provided with the right to: (a) a reasonable opportunity to support or defend their respective positions; and (b) a decision based on the evidence and submissions of record or, where required by its domestic law, the record compiled by the administrative authority.	- Luật Tố tụng Hành chính 2015 (đặc biệt là các Điều 18, Điều 19, Điều 78, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 194, Điều 242) Điều 78. Xác minh, thu thập chứng cứ 1. Trường hợp xét thấy chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hành chính chưa đủ cơ sở để giải quyết thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung chứng cứ. 2. Trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu hoặc xét thấy cần thiết, Tòa án có thể tự mình hoặc ủy thác tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ các tình tiết của vụ án.	Đánh giá: PLVN đã tương thích với cam kết tại khoản 2 Điều 6 này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất sửa đổi luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	3. Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Toà án xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Trường hợp kháng nghị bản án, quyết định của Toà án, Viện kiểm sát có thể tự mình thu thập hồ sơ, tài liệu, vật chứng trong quá trình giải quyết vụ án. 4. Các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ bao gồm: a) Lấy lời khai của đương sự; b) Lấy lời khai người làm chứng; c) Đối chất; d) Xem xét, thẩm định tại chỗ; đ) Trưng cầu giám định; e) Quyết định định giá tài sản, thẩm định giá tài sản; g) Ủy thác thu thập chứng cứ; h) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ. Điều 9. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Cá nhân, cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn cho đương sự, Toà án, Viện kiểm sát tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Toà án, Viện kiểm sát; trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản cho đương sự, Toà án,	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Viện kiểm sát biết và nêu rõ lý do của việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. - Luật Khiếu nại 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại 1. Người khiếu nại có các quyền sau đây: g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó; Điều 30. Tổ chức đối thoại 1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ. 2. Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại. 3. Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình. 4. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại. 5. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại. Điều 39. Tổ chức đối thoại lần hai Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại. Việc tổ chức đối thoại lần hai thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật này.	
3. Each Party shall ensure, subject to appeal or further review as provided for in its domestic law, that such decision shall be implemented by, and shall govern the practice of, the office or authority with respect to the administrative action at issue.	- Chương XIX – Thủ tục thi hành bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính Luật Tổ tụng hành chính 2015	Đánh giá: PLVN đã tương thích với yêu cầu tại khoản 3 Điều 6 này của EVFTA. Tuy nhiên, cần chú ý là cam kết ở đây của EVFTA không chỉ nhấn mạnh

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Mục 1 và Mục 4 Chương III Giải quyết khiếu nại Luật Khiếu nại 2011	yêu cầu đối với quy định pháp luật nội địa mà còn yêu cầu về thực thi quyết định giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hành chính bởi cơ quan đã ban hành quyết định hành chính liên quan. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
ARTICLE 7 GOOD REGULATORY PRACTICE AND ADMINISTRATIVE BEHAVIOUR		
1. The Parties agree to co-operate in promoting regulatory quality and performance, including through exchange of information and best practices on their respective regulatory reform processes and regulatory impact assessments.	Luật Ban hành VBQPPL 2015	Đánh giá: Đây là vấn đề hợp tác giữa cơ quan có thẩm quyền của EU và VN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật; • Chú ý vấn đề triển khai thực thi giữa các cơ quan có liên quan
2. The Parties subscribe to the principles of good administrative behaviour and agree to co-operate in promoting such principles, including through exchange of information and best practices.	Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính Điều 3. Nguyên tắc ban hành quyết định hành chính 1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của quyết định hành chính.	Đánh giá 1. PLVN không có quy định về việc thực hiện các nguyên tắc ứng xử tốt hành chính (mặc dù vẫn có các tuyên bố trong các Nghị quyết, văn bản liên quan tới cải cách thủ tục hành

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính. 3. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 4. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan và công bằng trong quá trình ban hành quyết định hành chính.	chính). Tuy nhiên cam kết ở đây của EVFTA không buộc Việt Nam phải quy định vấn đề này mà chỉ “subscribe” (ghi nhận và thực hiện) 2. Về việc hợp tác trong thúc đẩy các nguyên tắc ứng xử hành chính: Đây là vấn đề hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền của EU và VN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Chú ý việc triển khai cam kết này thông qua việc phối hợp với phía EU (đặc biệt trong việc trao đổi thông tin và thực tiễn tốt)
ARTICLE 8 SPECIFIC RULES The provisions of this Chapter shall apply without prejudice to any specific rules established in other Chapters of this Agreement.	Xem chi tiết tại Phần II – Các điều khoản về minh bạch hóa trong các chương khác của Hiệp định EVFTA	Xem chi tiết tại Phần II – Các điều khoản về minh bạch hóa trong các chương khác của Hiệp định EVFTA

II – Các điều khoản về Minh bạch hoá trong các chương trình khác của Hiệp định EVFTA

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
CHAPTER NATIONAL TREATMENT AND MARKET ACCESS FOR GOODS ARTICLE 13: IMPORT AND EXPORT RESTRICTIONS 1. Except as otherwise provided in this Agreement, neither Party may adopt or maintain any prohibition or restriction on the importation of any good of the other Party or on the exportation or sale for export of any good destined for the territory of the other Party, in accordance with Article XI of the GATT 1994, including its Notes and Supplementary Provisions. To this end, Article XI of the GATT 1994, its Notes and Supplementary Provisions are incorporated into and made a part of this Agreement. 5. Each Party shall ensure the transparency of any import and export restrictions not prohibited in paragraph 1.	- Điều 3, Điều 5, Điều 10 Nghị định 187/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/11/2013 về Quy định chi tiết thi hành luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài. - Thông tư 04/2014/TT-BCT của Bộ Công thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 187/2013/NĐ-CP - Luật Ban hành VBQPPL (các Điều về việc đăng tải VBQPPL)	Đánh giá: PLVN đã tương thích với cam kết EVFTA về vấn đề này Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
CHAPTER NATIONAL TREATMENT AND MARKET ACCESS FOR GOODS ARTICLE 18: STATE TRADING ENTERPRISES 1. The Parties affirm their existing rights and obligations under GATT Article XVII, its Notes and Supplementary Provisions and the WTO Understanding on the Interpretation of Article XVII of the GATT 1994, which are hereby incorporated into and made part of this Agreement.		Đánh giá: Khoản 2 Điều 18 này của EVFTA là vấn đề hợp tác hành chính giữa EU-VN, không phải vấn đề điều chỉnh bởi pháp luật nội địa về nội dung. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. Insofar as one of the Parties re-requests information of the other Party on individual cases of state trading enterprises and on their operations, including information on their bilateral trade, the requested Party shall ensure transparency in line with the rules set out in GATT Article XVII.4 (d) on confidential information.		
CHAPTER TRADE REMEDIES Article 2: Transparency 1. Both Parties agree that trade remedies should be used in full compliance with the relevant WTO requirements and should be based on a fair and transparent system. 2. Both Parties shall ensure, immediately after any imposition of provisional measures and in any case before final determination is made, full and meaningful disclosure of all essential facts and considerations which form the basis for the decision to apply measures. This is without prejudice to Article 6.5 of the WTO Agreement on Implementation of Article VI of GATT 1994 and Article 12.4 of the WTO Agreement on Subsidies and Countervailing Measures. Disclosures shall be made in writing, and allow interested parties sufficient time to make their comments. 3. Provided it does not unnecessarily delay the conduct of the investiga-	- Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 29/4/2004 về việc chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (được hướng dẫn bởi Nghị định 90/2005/NĐ-CP) - Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 20/8/2004 về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (được hướng dẫn bởi Nghị định 89/2005/NĐ-CP) - Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 25/5/2002 về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam (được hướng dẫn bởi Nghị định 150/2003/NĐ-CP) Pháp lệnh về chống bán phá giá Điều17. Kết luận sơ bộ 1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày có quyết định điều tra, cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 của	Đánh giá: • PLVN đã tương thích với yêu cầu tại Điều 2 Chương Phòng vệ thương mại này của EVFTA ngoại trừ yêu cầu tại khoản 2 về việc công khai đầy đủ và có ý nghĩa tất cả các thông tin sự việc và các đánh giá làm cơ sở có việc ra quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ đủ sớm để các bên liên quan có thể bình luận (PLVN đã có quy định về việc công khai các thông tin này, nhưng là trong văn bản chứa kết luận chứ không phải trước khi ban hành kết luận). • Trên thực tế, trong các vụ việc phòng vệ thương mại đã thực hiện ở Việt Nam, cơ quan điều tra (Cục quản lý cạnh tranh – Bộ Công thương) đã thực hiện việc cung cấp các thông tin này cho các bên liên quan biết và bình luận. Đề xuất: Sửa đổi các Nghị định hướng dẫn 03 Pháp lệnh về các biện pháp phòng vệ thương mại để bổ sung 01 Điều quy định về vấn đề này.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
tion, each interested party shall be granted the possibility to be heard in order to express their views during trade remedies investigations.	Pháp lệnh này; trường hợp đặc biệt, thời hạn công bố kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá sáu mươi ngày. 2. Kết luận sơ bộ và các căn cứ chính để kết luận sơ bộ phải được thông báo bằng phương thức thích hợp cho các bên liên quan đến quá trình điều tra. Điều 18. Kết luận cuối cùng 1. Khi kết thúc quá trình điều tra, cơ quan điều tra công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này. 2. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để kết luận cuối cùng phải được thông báo bằng phương thức thích hợp cho các bên liên quan đến quá trình điều tra. - Nghị định 90/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh về chống bán phá giá Điều 31. Kết luận sơ bộ 1. Trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá, Cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Chống bán phá giá; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn công bố kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá 60 ngày.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Kết luận sơ bộ phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm những nội dung sau đây: e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc bán phá giá hàng hoá nhập khẩu được mô tả tại điểm b khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; hoặc các thông tin, chứng cứ chứng minh việc chậm áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước và khó có thể khắc phục được; Điều 33. Kết luận cuối cùng 2. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để đưa ra kết luận cuối cùng phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm các nội dung sau đây: e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc bán phá giá hàng hoá nhập khẩu được mô tả tại điểm b khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; Điều 29. Tham vấn trong điều tra 1. Căn cứ vào thời gian tổ chức phiên tham vấn nêu trong quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá, Cơ quan điều tra sẽ tổ chức phiên tham vấn công khai với các bên liên quan và phân công ít nhất 03 Điều tra viên, trong đó có 01 Điều tra viên làm Chủ tọa để điều hành phiên tham vấn.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức phiên tham vấn, các bên liên quan phải gửi văn bản đăng ký tham gia phiên tham vấn cho Cơ quan điều tra, trong đó nêu rõ những vấn đề cần tham vấn kèm theo lập luận bằng văn bản. 3. Trình tự tiến hành tham vấn: b) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền lần lượt trình bày trực tiếp bằng lời nói các chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống bán phá giá. Thời gian cho mỗi bên trình bày không quá 90 phút; c) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trao nội dung bài phát biểu quy định tại điểm b khoản này bằng văn bản cho Chủ tọa; d) Các bên liên quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này có quyền trao văn bản trình bày quan điểm liên quan đến vụ việc chống bán phá giá của mình cho Chủ tọa; đ) Chủ tọa, các Điều tra viên đặt câu hỏi và nghe Người yêu cầu, Người bị yêu cầu hoặc đại diện hợp pháp của họ trả lời. Thời gian hỏi và trả lời dành cho mỗi bên không quá 60 phút. Toàn bộ nội dung này sẽ được ghi vào biên bản tham vấn; 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc tính từ ngày tổ chức tham vấn, các bên liên quan có quyền gửi văn bản	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	trình bày thêm quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống bán phá giá cho Cơ quan điều tra. 5. Toàn bộ nội dung tham vấn, bao gồm văn bản trình bày của các bên và biên bản tham vấn được Cơ quan điều tra công bố công khai. 6. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể tổ chức phiên tham vấn kín khi có yêu cầu của Người yêu cầu hoặc Người bị yêu cầu. Thành phần tham gia phiên tham vấn kín sẽ được Cơ quan điều tra xem xét quyết định trên cơ sở yêu cầu của bên yêu cầu tham vấn kín.	
CHAPTER CUSTOM AND TRADE FACILITATION Article 8 - Transparency Article 14 – Review and Appeal Article 15 – Relation with Business Community Other Articles containing provision on publication		Xem Rà soát cụ thể đối với Chương Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại
CHAPTER TECHNICAL BARIERS TO TRADE ARTICLE 7: TRANSPARENCY The Parties acknowledge the importance of transparency with regard to the preparation, adoption and appli-	Luật ban hành VBQPPL 2008 Điều 16. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:	Đánh giá: 1. Về việc lấy ý kiến công chúng đối với các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (TBT bắt buộc áp dụng) Theo Luật ban hành VBQPPL thì quy chuẩn kỹ thuật phải được ban hành

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
cation of standards, technical regulations and conformity assessment procedures. In this regard, the Parties reaffirm their transparency obligations under the TBT Agreement, and agree: (a) to take the other Party's views into account where a part of the process of developing a technical regulation is open to public consultation, and on request to provide written responses in a timely manner to the comments made by the other Party;	2. Quy định về quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực do mình phụ trách; Điều 68. Xây dựng, ban hành thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ 1. Dự thảo Thông tư do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phân công và chỉ đạo đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ soạn thảo. 2. Dự thảo thông tư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo, dự thảo thông tư được gửi lấy ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan. - Luật ban hành VBQPPL 2015 Điều 11. Văn bản quy định chi tiết 1. Văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định, cụ thể để khi có hiệu lực thì thi hành được ngay. Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không	dưới dạng Thông tư và quá trình soạn thảo Thông tư phải đăng tải dự thảo công khai 60 ngày để các bên liên quan có ý kiến. Do đó theo Luật 2008 thì PLVN đã tương thích với yêu cầu trong EVFTA. Theo Luật ban hành VBQPPL 2015 thì mặc dù không nêu rõ quy chuẩn kỹ thuật được quy định trong Thông tư nhưng có quy định Thông tư là văn bản quy định chi tiết, và quy chuẩn thì nằm trong văn bản quy định chi tiết. Và Luật 2015 có quy định tăng cường việc lấy ý kiến đối tượng chịu tác động bên cạnh quy định đăng tải dự thảo trên website. Do đó, PLVN đã tương thích với EVFTA về vấn đề này. 2. Về việc tiếp thu, phản hồi các bình luận của EU đối với các dự thảo TBT Việt Nam: Đây là vấn đề thuộc về hợp tác giữa EU-VN, không phải vấn đề của pháp luật nội địa. Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Chú ý quy định về cơ chế phản hồi các bình luận của EU về các dự thảo TBT theo đúng yêu cầu của EVFTA trong một Quy chế nội bộ của các Bộ liên quan;

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết. 2. Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp. Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết. 3. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết nhiều nội dung của một văn bản quy phạm pháp luật thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết các nội dung đó, trừ trường hợp cần phải quy định, trong các văn bản khác nhau. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết các nội dung của nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau thì có thể ban hành một văn bản để quy định chi tiết. Điều 24. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	tướng Chính phủ; 2. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình Điều 101. Soạn thảo thông tư 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo việc xây dựng, ban hành thông tư; phân công đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì phối hợp với tổ chức pháp chế trong trường hợp tổ chức pháp chế không chủ trì soạn thảo và các đơn vị có liên quan tổ chức soạn thảo thông tư. 2. Trong quá trình soạn thảo thông tư, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ trong thời gian ít nhất là 60 ngày. Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo thông tư, bộ, cơ quan ngang bộ có thể lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức khác, các chuyên gia, nhà khoa học. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	3. Đơn vị được phân công soạn thảo chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo thông tư. PLVN không có quy định về quy trình tiếp nhận, tiếp thu và phản hồi bình luận cho đối tác EU	
(b) to ensure that economic operators and other interested persons of the other Party are allowed to participate in any formal public consultation process concerning the development of technical regulations, on terms no less favourable than those accorded to its own legal or natural persons;	Luật Ban hành VBQPPL 2015	Đánh giá: PLVN quy định về việc lấy ý kiến đối với dự thảo VBQPPL (trong trường hợp này là Dự thảo Thông tư chứa quy chuẩn kỹ thuật) không phân biệt chủ thể góp ý, do đó đã tương thích với cam kết này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
(c) further to Article 4.1(a), in cases where impact assessments are carried out, to inform the other Party, upon request, of the outcome of the impact assessment of the proposed technical regulation;	- Luật Ban hành VBQPPL 2015 - Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và	Đánh giá: 1. Về việc đánh giá tác động PLVN đã tương thích với yêu cầu của Hiệp định trừ trường hợp quy chuẩn kỹ thuật được quy định trong một văn bản không phải VBQPPL (do đó

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại PLVN không có quy định về việc thông báo kết quả đánh giá tác động của dự thảo TBT theo yêu cầu của EU	không tuân thủ quy trình của Luật Ban hành VBQPPL). Tuy nhiên, do đây không phải nghĩa vụ bắt buộc, nên pháp luật Việt Nam đã phù hợp với điều khoản này. 2. Về việc thông báo cho EU về kết quả đánh giá tác động khi được yêu cầu: PLVN chưa quy định, tuy nhiên đây là vấn đề hợp tác về thông tin giữa hai Bên, không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa về nội dung. Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Bổ sung quy định về vấn đề này trong Quyết định 114/2005/QĐ-TTg hoặc vào Văn bản điều chỉnh hoạt động nội bộ của Văn phòng TBT Việt Nam
(d) when making notifications in accordance with Article 2.9.2 or 5.6.2 of the TBT Agreement, to: (i) allow in principle at least 60 days following the notification for the other Party to provide comments in writing to the proposal; where practicable, to give appropriate consideration to reasonable requests for extending the comment period; (ii) provide the electronic version of the notified text with the notification; (iii) provide, in case the notified text is not in one of the official WTO lan-	- Luật Ban hành VBQPPL 2015 - Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật 2006 và các văn bản hướng dẫn - Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại Điều 2. Quyết định 114/2005/QĐ-TTg Nghĩa vụ về minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định TBT	Đánh giá: PLVN đã có quy định về vấn đề này và về cơ bản đã tương thích với yêu cầu của EVFTA. Tuy nhiên các quy định hiện tại chỉ dưới dạng nhắc lại các nghĩa vụ theo Hiệp định TBT của WTO và không có chi tiết hóa cách thức thực hiện. Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về quy trình phối hợp giữa VN và các nước (trong đó có EU), không phải vấn đề của pháp luật nội địa về nội dung.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
guages, a detailed and comprehensive description of the content of the measure in the notification format; (iv) reply in writing to written comments received from the other Party on the proposal, no later than the date of publication of the final technical regulation or conformity assessment procedure; (v) provide information on the adoption and the entry into force of the notified measure and the adopted final text through an addendum to the original notification.	Những nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định TBT mà Việt Nam cam kết thực hiện bao gồm: 1. Thông báo cho các nước thành viên thông qua Ban thư ký của WTO về những văn bản pháp quy kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp ở dạng dự thảo hoặc đã có hiệu lực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành, có khả năng tạo ra những hàng rào kỹ thuật trong thương mại giữa Việt Nam với các nước thành viên của WTO; đồng thời, xử lý và có ý kiến về các thông báo nhận được của các nước thành viên nhằm đảm bảo các biện pháp kỹ thuật mà các nước đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng không hạn chế thương mại của Việt Nam với các nước đó. Thông báo dự thảo các văn bản pháp quy kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp nói trên phải được gửi trong thời gian ít nhất 60 ngày trước khi ban hành. Thông báo được thực hiện theo mẫu biểu thống nhất do Ủy ban TBT của WTO quy định bằng một trong 3 ngôn ngữ Anh, Pháp và Tây Ban Nha. 2. Tiếp nhận và chuyển tải các câu hỏi hoặc câu trả lời của các nước cũng như các câu trả lời hoặc câu hỏi của Việt Nam đến các địa chỉ cần thiết, đáp ứng nhu cầu thông tin và minh bạch hóa của các nước thành viên WTO và Việt Nam về hàng rào kỹ thuật.	Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật áp dụng trong nội địa; • Cần nhắc bổ sung 01 Điều quy định cụ thể về các nghĩa vụ này trong Quyết định 114/2005/QĐ-TTg hoặc vào Văn bản điều chỉnh hoạt động nội bộ của Văn phòng TBT Việt Nam

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(e) allow sufficient time between the publication of technical regulations and their entry into force for economic operators of the other Party to adapt, except where urgent problems of safety, health, environmental protection or national security arise or threaten to arise;	Luật Ban hành VBQPPL 2015	Đánh giá: Pháp luật Việt Nam đã phù hợp với quy định tại điều khoản này. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
(f) ensure that all technical regulations and mandatory conformity assessment procedures adopted and in force are publicly available on official websites, and free of charge;	Luật Ban hành VBQPPL 2015	Đánh giá: PLVN đã đáp ứng yêu cầu tại điều khoản này của EVFTA. Trên thực tế, các biện pháp TBT đang có hiệu lực của Việt Nam đều đã được công khai miễn phí trên website của Bộ Khoa học Công nghệ, các Sở KHCN và Văn phòng TBT Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
(g) ensure that the TBT Enquiry Point provides information and answers in one of the official WTO languages to reasonable enquiries from the other Party or from interested parties of the other Party on adopted technical regulations, conformity assessment procedures and standards	Điều 2 Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	Đánh giá: PLVN đã tương thích với điều khoản này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
CHAPTER SANITARY AND PHYTOSANITARY MEASURES Article Transparency and Exchange of Information	- Quyết định 04/2008/QĐ-BNNPTNT Điều 4. Nghĩa vụ về minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định SPS	Đánh giá: PLVN không có quy định về các biện pháp trao đổi thông tin liên quan tới

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
1. The Parties shall: (a) pursue transparency as regards SPS measures applicable to trade; (b) enhance mutual understanding of each Party's SPS measures and their application; (c) exchange information on matters related to the development and application of SPS measures, including the progress on new available scientific evidence, that affect, or may affect, trade between the Parties with a view to minimising their negative trade effects; (d) upon request of a Party, communicate the import requirements that apply for the import of specific products within fifteen working days ; and (e) upon request of a Party, communicate progress on the application for the authorisation of specific products within fifteen working days. 2. When the information pursuant to paragraph 1 has been made available by notification to the WTO in accordance with its relevant rules and procedures or when the above information has been made available on the official, publicly accessible and fee free web-sites of the Parties, the information exchange shall be considered to have taken place. 3. All notifications under this Chapter shall be made to the contact points	1. Thông báo cho các nước thành viên thông qua Ban Thư ký WTO về các biện pháp SPS theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Quy chế này; các dự thảo xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản do các cơ quan nhà nước thẩm quyền của Việt Nam ban hành có khả năng tạo ra các rào cản trong thương mại giữa Việt Nam với các thành viên của WTO, đồng thời xem xét và có ý kiến đối với thông báo nhận được của các nước thành viên nhằm đảm bảo các biện pháp SPS mà các nước đã, đang hoặc sẽ áp dụng không hạn chế thương mại của Việt Nam với các nước đó. a. Thời hạn thông báo dự thảo về các biện pháp SPS để lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan có liên quan trong nước và các nước thành viên WTO theo quy định ít nhất là 60 ngày. Thời hạn tham vấn có thể được gia hạn theo yêu cầu của nước thành viên trước khi tổng hợp, ban hành, trừ trường hợp khẩn cấp liên quan đến sức khỏe, an toàn, bảo vệ môi trường và an ninh quốc gia, trong trường hợp này sẽ áp dụng theo quy định tại khoản 2 phụ lục B của Hiệp định SPS; b. Thông báo được thể hiện bằng một trong 03 ngôn ngữ là tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha theo biểu mẫu thống nhất theo quy định của Ủy ban SPS thuộc WTO. 2. Tiếp nhận, xử lý và chuyển các câu hỏi hoặc trả lời của các nước thành	việc áp dụng (mà chỉ có liên quan tới việc xây dựng dự thảo) các SPS, phối hợp trong cấp phép SPS, thông tin về các yêu cầu nhập khẩu liên quan... như trong Điều này của EVFTA Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về quy trình phối hợp/hợp tác giữa VN và EU, không phải vấn đề của pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật nội địa về nội dung • Bổ sung các quy định theo các yêu cầu tại Điều này của EVFTA vào Quyết định 04/2008/QĐ-BNNPTNT hoặc Văn bản về quy chế hoạt động nội bộ của Văn phòng SPS để đảm bảo việc thực thi đầy đủ.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
referred to under Article (Competent authorities and contact points).	viên WTO cũng như các câu hỏi hoặc trả lời của Việt Nam về các biện pháp SPS đã, đang và sẽ áp dụng đến các nước thành viên, đáp ứng nhu cầu thông tin và nghĩa vụ minh bạch hóa trong Hiệp định SPS.	
CHAPTER GOVERNMENT PROCUREMENT Article XVIII Domestic Review Other Articles containing provision on Publication, Notice, Timelines, etc.		Xem Rà soát chi tiết PLVN với các cam kết EVFTA về mua sắm công
SECTION III: STATE OWNED ENTERPRISES, ENTERPRISES GRANTED SPECIAL RIGHTS OR PRIVILEGES AND MONOPOLIES Article 6 Transparency 1. A Party which has reasonable reason to believe that its interests under this Section are being adversely affected by the commercial activities of an enterprise or enterprises defined in Article 1 of the other Party and subject to the scope of this Section as defined in Article 2 may request in written form that Party to supply information about the operations of that enterprise related to the carrying out of the provisions of this Section. Requests for such information shall indicate the enterprise, the products/services and markets concerned, and include indications that	Pháp luật Việt Nam không có quy định tương ứng về nội dung	Đánh giá: Đây là quy định về việc hợp tác trong thông tin về các doanh nghiệp nhà nước và độc quyền giữa VN-EU, không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa về nội dung. Đề xuất: - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật nội địa chung - Bổ sung quy định về các cam kết này trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Doanh nghiệp Nhà nước

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
the enterprise is engaging in practices that hinder trade or investment between the Parties. For the EU, the provisions of Paragraph 1(a) to (e) do not apply to enterprises which qualify as small or medium-sized enterprises as defined in the European Union law. This information includes the following: (a) the ownership and the voting structure of the enterprise, indicating the percentage of shares and the percentage of voting rights that a Party and/or an enterprise defined in Article 1 cumulatively own; (b) a description of any special shares or special voting or other rights that a Party and/or an enterprise defined in Article 1 hold, where such rights differ from the rights attached to the general common shares of such entity; (c) the organisational structure of the enterprise, the composition of its board of directors or of an equivalent body exercising direct or indirect control in such an enterprise; and cross-holdings and other links with different enterprises or groups of enterprises, as defined in Article 1; (d) a description of which government departments or public bodies regulate and/or monitor the enterprise, a description of the reporting		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
lines⁷, and the rights and practices of the government or any public bodies in the appointment, dismissal or remuneration of managers; (e) annual revenue or total assets, or both; (f) exemptions, non-conforming measures, immunities and any other measures, including more favourable treatment, applicable in the territory of the requested Party to any enterprise defined in Article 1. 2. A Party has the right to ask the other Party additional information regarding the calculations on the revenue threshold in Article 2(4). 3. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not require any Party to disclose confidential information which would be inconsistent with its laws and regulations, impede law enforcement or otherwise be contrary to the public interest or would prejudice the legitimate commercial interests of particular enterprises.		
Competition Policy Chapter SECTION II: SUBSIDIES Article x.4 Transparency (1) Each Party shall ensure transparency in the area of specific subsidies. To this end, each Party shall notify every four years the legal	Pháp luật Việt Nam không có quy định tương ứng về nội dung	Đánh giá: Đây là vấn đề hợp tác/phối hợp về thông tin giữa EU-VN, không phải vấn đề điều chỉnh bởi pháp luật nội địa về nội dung.

7/ For greater certainty, a Party is not obliged to divulge reports or the contents of any reports.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
basis, form, amount or budget and where possible the recipient of the specific subsidy. (2) Such notification is deemed to have been fulfilled if the relevant information is made available by the Parties or on their behalf on a publicly accessible website, as from 31 December of the subsequent calendar year. The first notification shall be made available no later than 4 years after the entry into force of this agreement.		Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
CHAPTER INTELLECTUAL PROPERTY Article 6.10 - Co-operation and transparency 1. The Parties shall, either directly or through the {Joint Committee} established pursuant to Article 6.11, maintain contact on all matters relating to the implementation and the functioning of this Article. In particular, a Party may request from the other Party information relating to product specifications and their amendment and relevant contact points for control or management. 2. Each Party may make publicly available the specifications or a summary thereof and relevant contact points for control or management corresponding to geographical indications of the other Party protected pursuant to this Article.	Pháp luật Việt Nam không có quy định tương ứng về nội dung	Đánh giá: Đây là vấn đề hợp tác/phối hợp về thông tin giữa EU-VN, không phải vấn đề điều chỉnh bởi pháp luật nội địa về nội dung. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
TRADE AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT Article 12 Transparency Each Party, in accordance with its domestic laws and Chapter [....] [Transparency], shall ensure that any measures aimed at protecting the environment and labour conditions that may affect trade or investment are developed, introduced and implemented in a transparent manner, with due notice and giving the opportunity to interested persons to provide their views.	Luật Ban hành VBQPPL 2015	Đánh giá PLVN đã tương thích với EVFTA về việc thông báo và tạo cơ hội để các bên liên quan cho ý kiến đối với dự thảo các quy định liên quan tới môi trường và điều kiện lao động. Đề xuất Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

BÁO CÁO

**RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI
CÁC CAM KẾT CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU
VỀ MINH BẠCH**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Phó Giám đốc Phụ trách - Tổng Biên tập
NGUYỄN MINH HUỆ

Biên tập

Phùng Thị Lan Phương
Tôn Nữ Thanh Bình
Nguyễn Thị Thanh Hải

Chế bản

Công ty TNHH Giải pháp DEMAC

Trình bày

Anchorgraphics.vn@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 934 1562. **Fax:** (04) 3 938 7164

Websites: <http://nhaxuatbancongtuong.com>

Email: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 19 x 26 cm tại Công ty TNHH Giải pháp DEMAC

Số xác nhận đăng kí xuất bản: 276-2016/CXBIPH/01-05/CT

Số Quyết định xuất bản: 08/QĐ-NXBCT ngày 27/01/2016

Mã số ISBN: 978-604-931-151-2

In xong và nộp lưu chiểu Quy I năm 2016

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Trung tâm WTO và Hội nhập là đơn vị trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được thành lập nhằm hỗ trợ về pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trung tâm là đầu mối vận động chính sách, cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và lợi ích, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ WTO, các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và các Hiệp định thương mại quốc tế khác.

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh – Hà Nội
Điện thoại: +84-4-35771458, Fax: +84-4-35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn, Website: www.trungtamwto.vn

